

Số: 492 /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày 09 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

**Tình hình phát triển kinh tế - xã hội,
đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020 và kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2020

A. TÌNH HÌNH CHUNG

I. Thuận lợi

- Huyện tiếp tục nhận được sự chỉ đạo, giúp đỡ của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Thường trực HĐND, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, nhân dân các dân tộc đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục được triển khai mạnh mẽ tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội.

II. Khó khăn

- Thời tiết diễn biến bất thường, tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra (dịch Covid-19) diễn biến phức tạp.

- Nguồn lực cho đầu tư phát triển mặc dù đã được quan tâm, tăng cường song vẫn còn thấp chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư của huyện.

- Một bộ phận nhân dân nhất là người nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức, quyết tâm phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

B. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. Lĩnh vực kinh tế

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

1.1. Trồng trọt

a) Cây lương thực

Tổng sản lượng lương thực đạt 37.554,5 tấn, đạt 100,1% KH, tăng 112,9 tấn so với năm 2019. Kết quả cụ thể:

- Cây lúa: Diện tích đạt 5.821 ha, đạt 100,5% KH, giảm 190,4 ha so với năm 2019; tổng sản lượng ước đạt 19.497,2 tấn, đạt 100,7% KH, tăng 289,8 tấn so với năm 2019, trong đó: Lúa xuân: Diện tích đạt 1.055,5 ha, đạt 100,5% KH,

tăng 29,7 ha so với năm 2019; thu hoạch 1.048,8 ha¹; sản lượng đạt 6.240 tấn, đạt 99,9% KH, tăng 157,4 tấn so với năm 2019; Lúa mùa: Diện tích đạt 1.765,5 ha, đạt 101,5% KH, tăng 9,9 ha so với năm 2019; sản lượng đạt 8.756,9 tấn, đạt 101,7% KH, tăng 154,4 tấn so với năm 2019; Lúa nương: Diện tích đạt 3.000 ha, đạt 100% KH, giảm 230 ha so với năm 2019; sản lượng đạt 4.500 tấn, đạt 100% KH, giảm 22 tấn so với năm 2019.

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng đạt 6.307,5 ha, đạt 98,8% KH, giảm 397,5 ha so với năm 2019; tổng sản lượng đạt 18.057,3 tấn, đạt 99,5% KH, giảm 177 tấn so với năm 2019.

b) Cây công nghiệp

- Cây công nghiệp ngắn ngày: Cây đậu tương với diện tích gieo trồng 152 ha, đạt 101,3% KH, giảm 98 ha so với năm 2019, sản lượng đạt 203,2 tấn, đạt 100,3% KH, giảm 136,4 tấn so với năm 2019; cây lạc với diện tích gieo trồng 255 ha, đạt 102% KH, tăng 05 ha so với năm 2019, sản lượng đạt 234,6 tấn, đạt 104,3% KH, tăng 9,6 tấn so với năm 2019.

- Cây công nghiệp dài ngày:

+ Cây cao su: Diện tích đạt 1.320 ha, đạt 100% KH; diện tích cho thu hoạch: 562,17 ha với sản lượng đạt 520 tấn mù khô.

+ Cây cà phê: Diện tích đạt 342 ha, đạt 100 % KH; sản lượng cà phê nhân đạt 427,5 tấn, đạt 106,9% KH, tăng 27,5 tấn so với năm 2019.

+ Cây mắc ca: Diện tích đạt 1.400 ha.

c) Một số cây trồng khác

- Cây sắn: Diện tích 1.355 ha, đạt 100,4% KH, sản lượng đạt 8.807,5 tấn, đạt 100,4% KH.

- Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ: 83,5 ha cây thảo quả, đạt 100% KH; 180 ha cây sa nhân, đạt 100% KH và 206,1 ha táo mèo, đạt 100% KH.

1.2. Chăn nuôi

- Hoàn thành công tác tiêm phòng và vệ sinh tiêu độc khử trùng tại 19 xã, thị trấn. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các biện pháp kỹ thuật trong phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Thực hiện nghiêm các quy định về tái đàn trong chăn nuôi lợn và kiểm soát giết mổ trên địa bàn²

- Đàn gia súc tiếp tục phát triển với tổng đàn ước đạt 98.000 con, đạt 99,6% KH, tăng 1.127 con so với năm 2019 (trong đó: Đàn trâu có 23.120 con, đạt 100% KH, tăng 335 con so với năm 2019; đàn bò có 9.830 con, đạt 100% KH, tăng 382 con so với năm 2019; đàn lợn có 65.050 con, đạt 99,4% KH, tăng 410 con so với năm 2019. Đàn gia cầm có 952.600 con, đạt 100,01% KH, tăng 52.250 con so với năm 2019.

1.3. Thủy sản

¹ Có 6,7 ha lúa xuân bị thiệt hại do nắng nóng, mưa đá.

² Kiểm soát giết mổ 463 con trâu bò, 4.333 con lợn, thu nộp ngân sách 36,8 triệu đồng.

Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 295 ha, đạt 100% KH; sản lượng nuôi trồng ước đạt 385 tấn, đạt 100% KH, tăng 93 tấn so với năm 2019.

1.4. Lâm nghiệp

- Chỉ đạo lực lượng kiểm lâm bám sát cơ sở, nắm bắt thông tin, thường xuyên kiểm tra và tổ chức được 143 buổi tuyên truyền về Luật Lâm nghiệp, Luật bảo vệ môi trường, đặc biệt là việc phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô hanh 2019 -2020 với 9.134 lượt người tham gia. Phát hiện và xử lý 64 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp (*giảm 15 vụ so với năm 2019*), thu giữ 28,2 m³ gỗ các loại, tịch thu 21 xe máy, 05 cửa xăng; xử phạt vi phạm hành chính và bán tang vật vi phạm nộp ngân sách nhà nước là 149,7 triệu đồng. Phối hợp với Quỹ Bảo vệ môi trường rừng chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng với số tiền 17,4 tỷ đồng. Tổ chức công bố quy hoạch 3 loại rừng ngoài thực địa được 170 bản với 6.897 người tham gia.

- Hoàn thành trồng 30,5 ha rừng thay thế, đạt 101,7% KH; chăm sóc 165,14 ha rừng trồng. Triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững: Khoanh nuôi tái sinh mới năm thứ nhất được 707,1 ha; khoanh nuôi tái sinh rừng chuyển tiếp: 4.804,36 ha. Tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 38%, đạt 100% KH.

1.5. Công tác phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

- Hỗ trợ làm nhà ở cho 08 hộ nằm trong vùng nguy cơ ảnh hưởng thiên tai ở các xã: Rạng Đông, Phình Sáng, Quài Nưa, Pú Xi theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ với kinh phí 160 triệu đồng.

- Tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn và UBND các xã, thị trấn đẩy nhanh tiến độ triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn và chương trình mỗi xã một sản phẩm³.

- Triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2020. Tiếp tục chỉ đạo cơ quan, đơn vị phân công cán bộ, công chức tăng cường theo dõi, giúp đỡ và hướng dẫn các xã triển khai thực hiện nhiệm vụ hoàn thành

³ Cụ thể: Triển khai dự án hỗ trợ PTSX liên kết theo chuỗi giá trị 145,55 ha cây ăn quả thuộc Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới tại 18 xã với kinh phí 8.838 triệu đồng. Hiện cây đang sinh trưởng và phát triển bình thường, tỷ lệ sống sau trồng đạt trên 90%.

Triển khai thực hiện 18 dự án (thuộc Chương trình 135) hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho 449 hộ gia đình mua 341 con bò cái giống bò vàng địa phương, 77 máy nông nghiệp với kinh phí 5.298 triệu đồng và triển khai thực hiện 18 dự án (thuộc Chương trình 30a-Tiểu dự án 3) hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho 449 hộ gia đình mua 412 con bò cái giống bò vàng địa phương, 76 máy nông nghiệp với kinh phí 5.919 triệu đồng. Hiện bò đều khỏe mạnh, máy nông nghiệp được các hộ dân sử dụng hiệu quả.

Triển khai dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ 21,47 ha cây xoài Đài Loan và 11,14 ha cây nhãn chín muộn (thực hiện Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên) với 89 hộ tham gia và tổng kinh phí thực hiện là 2.000 triệu đồng. Hiện cây đang sinh trưởng và phát triển bình thường, tỷ lệ sống sau trồng đạt trên 90%.

Thực hiện Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa: Triển khai 06 mô hình sản xuất lúa áp dụng giống mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa với diện tích 187,46 ha, năng suất bình quân đạt 65 tạ/ha (cao hơn lúa người dân đang trồng khoảng 10 tạ/ha), tổng kinh phí thực hiện 2.418 triệu đồng.

Tổ chức hội nghị đánh giá sản phẩm OCOP huyện với 03 sản phẩm xếp hạng đạt từ 3 - 4 sao đề nghị Hội đồng OCOP tỉnh công nhận: Sản phẩm Táo mèo khô, Dưa mèo (của tổ hợp tác Hoa Sơn Tra, xã Tỏa Tình, huyện Tuần Giáo) đánh giá cấp huyện đạt 51 điểm (3 sao) và Cà phê bột HK13 (Công ty cổ phần cà phê Hồng Kỳ) đánh giá cấp huyện đạt 76 điểm (4 sao).

từng chỉ tiêu cụ thể. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cả hệ thống chính trị, các tổ chức, doanh nghiệp và toàn thể nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới. Kết quả rà soát đến tháng 12/2020, huyện Tuần Giáo có 09 xã cơ bản đạt các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới (đạt từ 15 tiêu chí trở lên; gồm các xã: Quài Nưa, Quài Cang, Quài Tở, Mường Thín, Nà Sáy, Pú Nhung, Rạng Đông, Mùn Chung, Mường Mùn; trong đó có 04 xã: Quài Nưa, Quài Cang, Quài Tở, Mường Thín đã được Ban Chỉ đạo xây dựng NTM của tỉnh đã công nhận cơ bản đạt các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới), 07 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí (gồm các xã: Chiềng Đông, Chiềng Sinh, Tỏa Tình, Nà Tông, Tênh Phong, Phình Sáng, Mường Khong), 02 xã đạt dưới 10 tiêu chí (gồm các xã: Pú Xi, Ta Ma) và bình quân đạt 13,6 tiêu chí/xã.

1.6. Công tác thủy lợi, nước sinh hoạt và phòng chống thiên tai

- Thường xuyên kiểm tra hiện trạng các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn. Hoàn thành bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn năm 2019.

- Điều chỉnh bổ sung phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho phù hợp với dự báo diễn biến thiên tai trên địa bàn. Tăng cường công tác chỉ đạo về phòng chống thiên tai, tổ chức trực sẵn sàng trong mùa mưa lũ, thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, diễn biến mưa lũ trên địa bàn để xử lý kịp thời các tình huống đột xuất xảy ra, thiệt hại do thiên tai⁴.

2. Sản xuất công nghiệp, xây dựng và khoa học - công nghệ

2.1. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ổn định, môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp như: thủy điện, cụm công nghiệp phía Đông, sản xuất vật liệu xây dựng thông thường, cơ khí, chế biến nông, lâm sản...

- Sản xuất công nghiệp được duy trì, một số sản phẩm công nghiệp chính: Nước máy: 704.000 m³, đạt 100,6% KH; gạch các loại: 20,1 triệu viên, đạt 100,5% KH; đá khai thác: 32.600 m³, đạt 163% KH.

2.2. Đầu tư xây dựng

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chủ động làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; tăng cường công tác quản lý chất lượng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện công trình, dự án, tiến độ giải ngân, quyết toán các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đúng quy định. Kết quả thực hiện như sau:

- Kế hoạch vốn giao năm 2020: 323,1 tỷ đồng.
- Giá trị khối lượng thực hiện ước đạt: 365,7 tỷ đồng.
- Giá trị thanh toán giải ngân ước đạt: 323,1 tỷ đồng (đạt 100% KH vốn).

⁴ Thiệt hại do thiên tai trong năm: 01 người bị sét đánh chết, 01 người bị thương do bị sét đánh; 320 nhà ở, công trình dân dụng, 6,7 ha lúa xuân không cho thu hoạch, 02 ha lúa mùa bị ảnh hưởng (khắc phục được), 12 con châu bò bị chết, 10 điểm trường bị ảnh hưởng, 50 phai bị cuốn trôi, hư hỏng hoàn toàn, làm sạt lở, bồi lấp nhiều tuyến kênh, nhiều tuyến đường trên địa bàn huyện. Ước tổng kinh phí thiệt hại là 10.900 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

- Lập, thẩm định và phê duyệt quyết toán được 73 công trình hoàn thành.

2.3. Công tác quy hoạch và quản lý đô thị

Tiếp tục tăng cường kiểm tra Quy chế quản lý đô thị, quản lý xây dựng và trật tự đô thị trên địa bàn thị trấn Tuần Giáo. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng một số khu đất tại trung tâm xã, thị trấn⁵. Cấp phép xây dựng cho 26 trường hợp xây dựng nhà ở tư nhân trên địa bàn thị trấn Tuần Giáo.

2.4. Khoa học - công nghệ

Hoàn thành việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Tổ chức trồng khảo nghiệm hơn 1.000 cây sâm Ngọc Linh tại xã Tênh Phong. Xây dựng mô hình tưới tiết kiệm nước tại bản Nậm Mu xã Rạng Đông với kinh phí 550 triệu đồng. Tổ chức Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng cấp huyện và lựa chọn 09 mô hình, sản phẩm tiêu biểu tham dự Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng cấp tỉnh lần thứ 4 năm 2020. Tổ chức xét và công nhận sáng kiến của CBCCVC năm 2020.

3. Tài nguyên và môi trường

- Chỉ đạo các xã, thị trấn tăng cường quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quản lý việc khai thác cát, sỏi... làm vật liệu xây dựng thông thường⁶. Hoàn thành kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Thực hiện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho 48 hộ gia đình với diện tích 5,3 ha; cấp đổi, tách giấy chứng nhận QSD đất cho 409 hồ sơ với diện tích 52,8 ha; chuyên mục đích sử dụng đất cho 03 hộ gia đình với diện tích 254 m². Chỉ đạo cơ quan chuyên môn xác nhận biến động cho 250 hồ sơ và xác nhận thế chấp, xóa thế chấp giao dịch bảo đảm cho 270 hồ sơ. Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cho 11 công trình, dự án. Tổ chức đấu giá QSD để giao đất có thu tiền sử dụng đất thu ngân sách Nhà nước 23 tỷ đồng.

- Xây dựng Kế hoạch và tuyên truyền ngày nước thế giới (22/3); ngày môi trường thế giới (05/6); chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn được đông đảo quần chúng nhân dân và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện hưởng ứng tham gia.

4. Các ngành dịch vụ

- Các mặt hàng hóa đa dạng phong phú đáp ứng nhu cầu mua sắm và tiêu dùng của nhân dân. Tổ chức kiểm tra, test nhanh các mẫu thực phẩm tại 329 cơ sở sản xuất, kinh doanh trong đợt kiểm tra liên ngành tết Nguyên đán năm 2020, qua kiểm tra các cơ sở đều đảm bảo ATTP.

⁵ Điều chỉnh cục bộ quy chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại thị trấn Tuần Giáo: khu đất cơ sở làm việc Công an huyện Tuần Giáo; khu đất TMDV 07, OHT 124 (khu đất Thương Nghiệp); khu đất cây xăng số 6; đoạn đầu nối QL6 đường vào khu khoáng nóng; điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nà Tông; điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết trung tâm xã Chiềng Đông...

⁶ Tuy nhiên qua Kiểm tra đã phát hiện và thu giữ 04 đầu máy khai thác cát trên địa bàn xã Chiềng Đông và xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 hộ gia đình với số tiền 06 triệu đồng. Phối hợp với đoàn kiểm tra của UBND tỉnh kiểm tra về việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng tại mỏ đá Đại Dương tại bản Minh Thắng, xã Quài Nua.

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 120 hộ gia đình và 6 HTX với tổng số vốn kinh doanh 64 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 290 lao động.

- Hoạt động bưu chính - viễn thông tiếp tục được duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ. Công văn, thư, báo được chuyển phát kịp thời, đảm bảo mạng lưới thông tin thông suốt, công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính được đẩy mạnh.

5. Tài chính - ngân hàng

5.1. Hoạt động tài chính

Tăng cường công tác quản lý về thu, chi NSNN, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi theo dự toán giao, tuân thủ đúng Luật Ngân sách Nhà nước, kết quả cụ thể:

- Tổng thu ngân sách địa phương: 1.024.843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán, tăng 21,8% so với năm 2019 (Trong đó thu ngân sách trên địa bàn: 57.950 triệu đồng, đạt 102,4% dự toán).

- Tổng chi ngân sách: 1.024.843 triệu đồng, đạt 121,8% dự toán, tăng 21,9% so với năm 2019.

- Công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2019 và dự toán ngân sách địa phương năm 2020. Hoàn thành lập dự toán ngân sách địa phương năm 2021.

5.2. Hoạt động ngân hàng

Các ngân hàng đã chủ động về nguồn vốn để đầu tư tín dụng góp phần phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn ổn định. Kết quả cụ thể như sau:

- Ngân hàng Chính sách xã hội có tổng nguồn vốn tín dụng đạt 522,4 tỷ đồng, dư nợ đạt 517,2 tỷ đồng, nợ quá hạn chiếm 0,13% tổng dư nợ.

- Ngân hàng No&PTNT có tổng nguồn vốn huy động đạt 490 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 775 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu dưới 2% tổng dư nợ.

- Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (phòng giao dịch Tuần Giáo) có tổng nguồn vốn huy động đạt 72 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 81 tỷ đồng.

- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (phòng giao dịch Tuần Giáo) có huy động vốn đạt 80 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 240 tỷ đồng.

II. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

1. Về giáo dục và đào tạo

- Hoàn thành chương trình năm học 2019-2020: Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 99,8%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,9%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 98,8%.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huy động học sinh đến trường năm học 2020-2021 với 27.646 học sinh⁷, đạt 101,1% KH. Tập trung chỉ đạo thực hiện

⁷ Giáo dục Mầm non: 24 trường với 8.209 trẻ, đạt 100,2% KH, giảm 127 trẻ so với cùng kỳ năm trước; huy động trẻ 3 đến 5 tuổi đi học đạt 98,8% trẻ trong độ tuổi; huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi đi học đạt 99,8% trẻ trong độ tuổi.

Giáo dục tiểu học: 23 trường với 10.292 học sinh, đạt 100,7% KH, tăng 300 học sinh so với cùng kỳ năm trước; huy động dân số 6 tuổi đi học lớp 1 đạt 99,8% dân số trong độ tuổi; huy động dân số từ 6 đến 10 tuổi đi học tiểu học đạt 99,7% dân số trong độ tuổi.

chương trình sách giáo khoa lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (cấp tiểu học), mô hình trường học mới (cấp THCS). Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; công tác phát triển đội ngũ giáo viên và đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học được quan tâm⁸. Hoàn thành kế hoạch xây dựng thêm 03 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia lên 54 trường, chiếm 79,4% tổng số trường trên địa bàn huyện⁹.

- Công tác đào tạo: Tổ chức được 33 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo "Đề án 1956" với 1.120 học viên, đạt 100% KH. Phối hợp với Trường Cao đẳng nghề Điện Biên tổ chức bế giảng và trao chứng chỉ cho 15 học viên lớp Trung cấp Lâm sinh; duy trì: 01 lớp trung cấp nghề Công tác xã hội với 21 học viên, 01 lớp Đại học Luật với 32 học viên và 01 lớp Đại học Nông - lâm với 32 học viên. Tổ chức 01 lớp tiếng Mông với 80 học viên.

2. Văn hoá – TDTT và thông tin

- Tổ chức tuyên truyền lưu động được 208 buổi (416 lượt), phục vụ trên 330 nghìn lượt người nghe nhân dịp các ngày lễ, kỷ niệm; đặc biệt là tuyên truyền phòng, chống dịch Covid-19, kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng bộ huyện và Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII (nhiệm kỳ 2020-2025)...

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao. Tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, thể dục - thể thao nhân dịp xuân Canh Tý 2020. Tham gia Hội diễn nghệ thuật quần chúng công - nông - binh tỉnh Điện Biên lần thứ VI năm 2020, Giải bóng chuyền đoàn kết công - nông - binh tỉnh Điện Biên lần thứ 37 năm 2020 và Giải cầu lông Đảng bộ khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Điện Biên mở rộng năm 2020...

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn làm tốt công tác xây dựng đời sống văn hóa và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", toàn huyện có 12.595 hộ gia đình đạt gia đình văn hóa, chiếm 66,1%; 125 khối, bản đạt danh hiệu văn hóa, chiếm 70,6%; 125 cơ quan, đơn vị, trường học đạt văn hóa, chiếm 94%; 09 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, chiếm 50%; thị trấn đạt

Giáo dục trung học cơ sở: 17 trường với 6.891 học sinh, đạt 101,1% KH, tăng 305 học sinh so với cùng kỳ năm trước; huy động dân số 11 tuổi đi học lớp 6 đạt 98,6% dân số trong độ tuổi; huy động dân số từ 11 đến 14 tuổi đi học THCS đạt 97,4% dân số trong độ tuổi.

Giáo dục trung học phổ thông: 2.167 học sinh, đạt 106,2% KH (Trong đó: Trường THPT Mùn Chung có 381 học sinh; Trường THPT Tuần Giáo có 985 học sinh; Trường THCS&THPT Quài Tở có 454 học sinh; Trường PTDTNT: 347 học sinh); Trung tâm GDNN-GDTX: 87 học viên, đạt 107,5% KH.

⁸ Về phổ cập giáo dục các cấp học và xóa mù chữ: 19/19 đạt xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; 17/19 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

Phát triển đội ngũ giáo viên: Tổng số 1.408 giáo viên, trong đó có 1.126 giáo viên (chiếm tỷ lệ 80%) đạt chuẩn và trên chuẩn; tuy nhiên huyện vẫn còn thiếu 296 giáo viên so với định mức, đặc biệt là giáo viên mầm non còn thiếu 232 giáo viên.

Về đầu tư cơ sở vật chất: Tổng số 903 phòng học, trong đó 633 phòng học kiên cố (chiếm tỷ lệ 70,1%) và 270 phòng học bán kiên cố (chiếm 29,9%).

⁹ Số lượng và tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia giảm do năm học 2020-2021 đã thực hiện sáp nhập 14 đơn vị trường học thành 07 đơn vị trường học mới.

chuẩn văn minh đô thị. Sửa đổi, bổ sung quy ước, hương ước cho 177 khối, bản trên địa bàn.

- Thực hiện tốt việc truyền thanh và truyền hình đảm bảo truyền dẫn phát sóng 18 giờ/ngày; sản xuất 1.858 tin và 488 bài phát trên sóng truyền thanh thanh Đài huyện góp phần đưa tin kịp thời, phản ánh đầy đủ các sự kiện chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội diễn ra trên địa bàn huyện và đảm bảo các chương trình chuyên đề hợp đồng với Đài tỉnh.

3. Công tác y tế - dân số - trẻ em

- Thực hiện nghiêm túc công tác thường trực cấp cứu, khám chữa bệnh với tổng số lần khám bệnh là 86.876 lượt người, điều trị nội trú cho 12.888 lượt người, điều trị ngoại trú cho 1.713 lượt người.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch Covid-19 và UBND tỉnh, làm tốt công tác thường trực phòng chống dịch bệnh, chuẩn bị đủ cơ số thuốc, vật tư, hóa chất cho công tác phòng chống dịch. Phun hóa chất tiêu độc, khử trùng phòng chống dịch Covid-19 tại tất cả các trường học, trợ trung tâm huyện và các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn. Thành lập khu cách ly tập trung và tổ chức cách ly tập trung cho 111 trường hợp, cách ly tại gia đình được 2.920 lượt trường hợp, lấy 293 mẫu xét nghiệm (đều có kết quả âm tính), tất cả những trường hợp trên tình trạng sức khỏe ổn định và hoàn thành cách ly theo quy định.

- Các hoạt động y tế, Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được duy trì và triển khai có hiệu quả, chất lượng công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế từng bước được nâng lên. Tổ chức kiểm tra kiểm tra vệ sinh ATTP tại 681 cơ sở sản xuất, kinh doanh, 54 bếp ăn tập thể của các đơn vị trường học và kiểm tra 51 cơ sở hành nghề y dược tư nhân, qua kiểm tra các cơ sở đều đảm bảo theo quy định. Xây dựng xã Chiềng Đông đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, nâng tổng số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã toàn huyện lên 14 xã, thị trấn¹⁰.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình, hoạt động và các chính sách về Dân số như: Tầm soát các dị dạng, dị tật bẩm sinh; kiểm soát tốc độ gia tăng, tỷ số giới tính; truyền thông về Dân số; cung ứng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình... Dân số trung bình năm 2020 đạt 89.625 người.

- Triển khai Kế hoạch phòng, chống bạo lực xâm hại trẻ em trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2025 và Tháng hành động vì trẻ em năm 2020. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai nhiều chương trình về bảo vệ và chăm sóc trẻ em trên địa bàn¹¹.

¹⁰ Gồm các xã: Chiềng Sinh, Quài Tờ (2012), Quài Nưa (2013), Thị trấn Tuần Giáo (2014), Quài Cang, Tòà Tình, Tênh Phông (2015), Pú Nhung, Mường Thín (2016), Nà Sáy (2017), Mường Mùn, Mùn Chung (2018), Rạng Đông (2019), Chiềng Đông (2020).

¹¹ Cấp 993 thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi. Vận động 80 cơ quan, đơn vị đóng góp xây dựng quỹ Bảo trợ trẻ em với 300 triệu đồng. Chi hỗ trợ 325 triệu đồng cho các cơ quan, đơn vị nhân dịp Quốc tế thiếu nhi và Tết Trung thu. Chi hỗ trợ kinh phí cho 13 trẻ em khuyết tật khám và phẫu thuật tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên; 01 trẻ em bị mắc bệnh Động kinh khám và điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội và hỗ trợ cho 02 gia đình có trẻ em bị tử vong do đuối nước với tổng kinh phí: 9.5 triệu đồng.

Phối hợp với Chương trình phát triển vùng huyện Tuần Giáo tổ chức 01 cuộc hội thảo đánh giá tác động của đại dịch Covid - 19 tới trẻ em trên địa bàn huyện. Phối hợp với Tổ chức Ròng xanh hỗ trợ cho 01 trẻ em xã Mường Mùn bị viêm màng não khám và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên với số tiền 2,4 triệu đồng.

4. Thực hiện các chính sách xã hội

4.1. Về xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội

- Triển khai lồng ghép Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 và các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn nhằm đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả công tác giảm nghèo trên địa bàn. Tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm xuống ước còn 33,37%, đạt 100% KH (giảm 5% so với cuối năm 2019).

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo đúng đối tượng và đúng chế độ¹².

- Toàn huyện có 3.712 lao động tham gia BHXH, tỷ lệ che phủ BHYT đạt 98,7% dân số. Tổng thu các loại hình đạt 122.649 triệu đồng, thực hiện chi kịp thời, đầy đủ chế độ cho các đối tượng với tổng số tiền 111.921 triệu đồng.

4.2. Về phòng, chống tệ nạn xã hội và lao động, việc làm

- Tiếp tục tổ chức điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone cho 410 bệnh nhân. Tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng cho 45 người, đạt 100% KH, cai bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh cho 36 người, đạt 120% KH. Tổng số ca nhiễm HIV có mặt ở địa phương quản lý được là 554 bệnh nhân; số bệnh nhân đi làm xa (mất dấu) là 32 bệnh nhân và số bệnh nhân đang được điều trị là 542 bệnh nhân.

- Giải quyết việc làm 1.000 lao động, đạt 100% KH, xuất khẩu lao động 1 trường hợp, đạt 20% KH. Phối hợp với các doanh nghiệp, công ty ngoài tỉnh lập danh sách, hỗ trợ vé xe cho 92 người lao động về nghỉ Tết Nguyên đán Canh Tý 2020 với kinh phí 83,7 triệu đồng. Hỗ trợ kinh phí cho 5 hộ kinh doanh, 3 người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19 với kinh phí 09 triệu đồng.

5. Công tác dân tộc, tôn giáo

Rà soát và lập danh sách 167 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức thăm hỏi, chúc tết người có uy tín với kinh phí 100 triệu đồng; tiếp

¹² Chính sách người có công: Trợ cấp hàng tháng 106 đối tượng người có công; chi trả chế độ mai táng phí cho 72 người hoạt động kháng chiến, cựu chiến binh, dân công hỏa tuyến; tổ chức thăm hỏi, tặng 355 xuất quà (trích Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa") và 361 xuất quà của Chủ tịch nước cho các đối tượng và gia đình người có công với cách mạng nhân dịp tết Nguyên đán và ngày thương binh liệt sỹ; cấp 433 thẻ BHYT cho các đối tượng người có công với cách mạng. Điều dưỡng tại nhà cho 17 đối tượng người có công với kinh phí 18,87 triệu đồng và điều dưỡng tại Trung tâm tỉnh cho 20 đối tượng. Vận động được 64 đơn vị đóng góp quỹ Đền ơn đáp nghĩa với 275 triệu đồng. Trích từ nguồn quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" hỗ trợ sửa chữa, làm mới nhà ở cho 05 hộ người có công với kinh phí 120 triệu đồng. Chi trả hỗ trợ người có công và thân nhân đang hưởng trợ cấp hàng tháng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 cho 94 đối tượng với kinh phí 141 triệu đồng.

Chính sách bảo trợ xã hội: Trợ cấp xã hội hàng tháng 3.172 đối tượng; trợ cấp đột xuất 87,375 tấn gạo cho 1.290 hộ nghèo (5.825 nhân khẩu) không có khả năng ăn tết với kinh phí 1.241 triệu đồng; cấp 145,305 tấn gạo (từ Cục dự trữ Quốc gia) cứu đói giáp hạt năm 2020 cho 2.080 hộ (9.687 nhân khẩu) thuộc hộ nghèo thiếu đói về lương thực. Cấp 31.635 thẻ BHYT cho người nghèo, cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội; trợ cấp đột xuất cho 71 hộ do cháy nhà, mưa đá, tại nạn giao thông, tai nạn rủi ro với kinh phí 320 triệu đồng. Chi trả hỗ trợ tiền điện cho 8.172 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội với kinh phí 5,2 tỷ đồng. Chi trả hỗ trợ cho 10.184 hộ nghèo, hộ cận nghèo (49.865 nhân khẩu) và 2.986 đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 với tổng kinh phí 41,8 tỷ đồng.

tục cấp 136.065 ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Tham gia bồi dưỡng tập huấn Chương trình 135 năm 2020 tại tỉnh Điện Biên với 402 người.

- Toàn huyện có 27 điểm nhóm, thuộc 26 bản tại 09 xã bị ảnh hưởng với 621 hộ (3.725 khẩu) (tăng 23 hộ, 100 khẩu so với cuối năm 2019, nguyên nhân do tách hộ, đẻ thêm). Tăng cường quản lý, nắm chắc tình hình hoạt động tôn giáo trên địa bàn¹³. Tổ chức cấp giấy chứng nhận sinh hoạt đạo Tin lành cho 14 điểm nhóm. Tổ chức tặng quà, chúc tết nhân dịp tết cổ truyền dân tộc Mông và Lễ Noel tại các điểm nhóm đăng ký sinh hoạt tôn giáo trên địa bàn.

III. Lĩnh vực tư pháp, thanh tra và tổ chức xây dựng chính quyền

1. Công tác tư pháp

- Triển khai các văn bản chỉ đạo về phổ biến và giáo dục pháp luật; kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Tổ chức 207 cuộc tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật với 13.469 lượt người nghe; tổ chức kiểm tra nghiệp vụ công tác Tư pháp tại 18 xã, thị trấn; tổ chức tập huấn phần mềm hệ thống thông tin đăng ký quản lý hộ tịch, các văn bản có liên quan đến công tác hộ tịch và tập huấn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính và công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và cơ sở cai nghiện bắt buộc. Duy trì hoạt động tổ hòa giải tại 177 khối bản với 895 thành viên; tổ chức 05 hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải cơ sở cho 297 hòa giải viên.

- Công tác quản lý, đăng ký hộ tịch, chứng thực thực hiện theo quy định. Thực hiện tốt công tác quản lý, xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật; thẩm định 31 hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở giáo dục bắt buộc; 54 hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; cập nhật, niêm yết, công bố công khai kịp thời các thủ tục hành chính theo quy định.

2. Công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Triển khai thực hiện 06 cuộc thanh tra hành chính¹⁴ và 01 cuộc thanh tra trách nhiệm¹⁵. Công tác phòng chống tham nhũng tiếp tục được tăng cường; tiếp tục triển khai đường dây nóng để tiếp nhận thông tin, phản ánh của người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Tổ chức 187 lượt tiếp công dân thường xuyên, định kỳ với 206 người (Trong đó: Cấp huyện tiếp 62 lượt với 79 người và cấp xã tiếp 125 lượt với 127 người) với các nội dung: Đề nghị, phản ánh về việc tranh chấp đất đai, một số chế độ chính sách xã hội... Tiếp nhận 198 đơn, đơn đủ điều kiện thụ lý là 188 đơn

¹³ Phát hiện 03 người phụ nữ lạ mặt đến địa bàn bản Kép, xã Chiềng Sinh phát 16 quyển tài liệu, 04 ấn phẩm dạng báo viết và 20 vật gọi là bùa hộ mệnh" liên quan đến tuyên truyền "Pháp luân công" cho 04 hộ, 05 khẩu; 28 trường hợp là các đối tượng chức sắc, chức việc trong các điểm nhóm tôn giáo trên địa bàn đi học giáo lý, giáo luật tại các tổ chức tôn giáo trong và ngoài địa bàn.

¹⁴ Trong đó đã ban hành kết luận 04 cuộc thanh tra (kiểm điểm 20 cá nhân để xây ra sai phạm và thu hồi 16,6 triệu đồng) và đang triển khai 02 cuộc thanh tra.

¹⁵ Đã ban hành kết luận thanh tra: Kiểm điểm 05 cá nhân để xây ra sai phạm và thu hồi 607,3 triệu đồng.

(Trong đó: Cấp huyện tiếp nhận 87 đơn và cấp xã tiếp nhận 101 đơn), gồm: 02 đơn khiếu nại, 04 đơn tố cáo và 182 đơn đề nghị, phản ánh; UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các xã, thị trấn giải quyết theo quy định.

3. Tổ chức xây dựng chính quyền

- Hoàn thành sáp nhập 14 đơn vị trường học thành 07 đơn vị trường học mới. Thực hiện đưa Công an chính quy về giữ chức vụ Trưởng, Phó Công an cấp xã. Tổ chức tuyển dụng 16 công chức cấp xã; hoàn thành việc thăng hạng cho 169 viên chức của các đơn vị sự nghiệp giáo dục; tinh giản biên chế được 38 người ... Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc niêm yết thủ tục hành chính, đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính tại các xã, thị trấn và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng HĐND-UBND huyện. Tổ chức tập huấn, cấp chứng thư số cho cơ quan, đơn vị và cá nhân; thực hiện việc ứng dụng chữ ký số vào phần mềm quản lý và điều hành tại các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn. Tích cực khai thác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử trên môi trường mạng Internet.

- Tổ chức đối thoại giữa người đứng đầu chính quyền cấp huyện và cấp xã với nhân dân trên địa bàn quản lý theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015. Hoàn thành điều chỉnh địa giới hành chính theo Quyết định 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính Phủ.

IV. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, mệnh lệnh cấp trên. Thường xuyên duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu nhất là trước, trong và sau các ngày lễ, kỷ niệm, tết dương lịch, tết Nguyên đán,... Tổ chức thành công lễ giao quân năm 2020 với 140 tân binh (120 quân sự; 20 công an). Tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP&AN, giáo dục quốc phòng, ra quân huấn luyện, tập huấn và củng cố lực lượng dân quân tự vệ đảm bảo chất lượng¹⁶. Tổ chức thanh tra 01 đơn vị và kiểm tra 12 đơn vị DQTV về công tác quân sự - quốc phòng năm 2020.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân trong phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc". Triển khai thực hiện thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn. Chủ động làm tốt công tác phòng ngừa, liên tục tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội¹⁷.

¹⁶ Tổ chức 05 lớp bồi dưỡng kiến thức QP&AN đối tượng 4 cho 270 đối tượng (kết quả đạt khá); tổ chức 59 lớp giáo dục quốc phòng cho 1.901 học sinh (kết quả đạt khá); tổ chức ra quân huấn luyện năm 2020 với 515 người tham gia; tập huấn cán bộ thường trực tại Trung đoàn 741 với 06 đ/c; tham gia tập huấn DQTV tại tài với 80 đ/c; tổ chức tập huấn lực lượng thường trực cho 31 đ/c; tổ chức 01 lớp tập huấn cán bộ BCH cơ quan, cán bộ kiêm nhiệm công tác quân sự với 21 đ/c; tổ chức 05 lớp tập huấn Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, Thôn đội trưởng với 317 đ/c; 01 lớp tổ thông tin, trinh sát, công binh, hóa học, phòng hóa, quân y với 87 đ/c... (kết quả chung đạt loại khá). Củng cố 40 đơn vị DQTV với tổng quân số 1.760 đ/c.

¹⁷ Tội phạm về hình sự: Xây ra 20 vụ, bắt 31 đối tượng về hành vi đánh bạc trái phép, trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, hiếp dâm với người dưới 16 tuổi... Công an huyện đã tập trung điều tra, làm rõ 18/20 vụ, đạt 90%. Lập hồ sơ đưa 27 đối tượng vào cơ sở giáo dục bắt buộc (vượt 35%). Phối hợp bắt 02 đối tượng truy nã. Phối hợp với phòng PC02 Công an tỉnh điều tra làm rõ 01 vụ giết người xảy ra tại thị trấn Tuần Giáo làm 03 người chết (đối tượng dùng dao đâm chết 02 người sau đó tự sát bằng hung khí gây án).

Vận động nhân dân giao nộp 176 khẩu súng các loại, 13 kiếm tự tạo, 01 côn tự tạo, 01 đạn pháo, 01 đầu đạn pháo, 08 viên đạn quân dụng, 03 nòng súng kíp và 14 kích điện đánh bắt thủy sản trái phép. Thụ lý, điều tra làm rõ 102 vụ (138 bị can), đạt tỷ lệ 92,7%, kết thúc điều tra chuyên cơ quan CSĐT Công an tỉnh, Công an huyện Mường Ảng điều tra theo thẩm quyền 07 vụ với 09 bị can, chuyển Viện kiểm sát nhân dân huyện đề nghị truy tố 93 vụ với 120 bị can, tạm đình chỉ điều tra 03 vụ với 01 bị can và chuyển kỳ sau tiếp tục điều tra 07 vụ với 08 bị can. Tiếp nhận và giải quyết 33/35 tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố về tội phạm, đạt tỷ lệ 94,3%. Tăng cường công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu góp phần hạn chế tình trạng xuất cảnh trái phép¹⁸. Tiếp tục tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc chấp hành Luật giao thông đường bộ¹⁹. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội để tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp, kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng bộ huyện Tuần Giáo.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Những mặt đạt được

Trong năm 2020, tình hình kinh tế - xã hội của huyện có những chuyển biến tích cực trên hầu hết các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, nổi bật trên các mặt:

- Kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng, sản xuất nông nghiệp ổn định. Công tác quản lý ngân sách được bảo đảm. Tiến độ triển khai thực hiện, giải

Tội phạm ma túy: Phá thành công 04 chuyên án, bắt 07 đối tượng; phát hiện 84 vụ với 94 đối tượng về hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, thu giữ 5.933,84g Heroín, 1.409 viên ma túy tổng hợp. Khởi tố 72 vụ án với 83 bị can, xử phạt VPHC 19 đối tượng, nộp ngân sách 24,5 triệu đồng. Phối hợp với phòng PC04, PC08, PA06 Công an tỉnh, Công an huyện Mường Ảng và Cục Hải quan tỉnh Điện Biên phá thành công 02 chuyên án, bắt 02 đối tượng về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tổ chức phá nhỏ, tiêu hủy 714 cây thuốc phiện (vô chủ).

Vi phạm pháp luật về trật tự xã hội: Phát hiện 10 vụ, 35 đối tượng về hành vi đánh bạc và gây rối trật tự công cộng. Quyết định xử phạt hành chính 07 vụ với 14 đối tượng, nộp ngân sách nhà nước 20,55 triệu đồng.

Tai, tệ nạn xã hội: Xảy ra 08 vụ tự tử, 01 vụ đuối nước và 04 vụ tai nạn rui ro làm 14 người chết.

¹⁸ Phát hiện 39 trường hợp xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, 01 trường hợp xuất cảnh sang Lào, trong đó 30 trường hợp đã quay trở về địa phương và dẫn theo 04 người đàn ông quốc tịch Trung Quốc, 01 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào địa bàn; lập hồ sơ, làm rõ động cơ, mục đích, xử phạt vi phạm hành chính đối với 08 trường hợp, thu nộp ngân sách 22,25 triệu đồng và yêu cầu thực hiện cách ly theo đúng quy định.

Quản lý, giám sát hoạt động của 10 đoàn có yếu tố nước ngoài (14 người nước ngoài), 10 người quốc tịch Trung Quốc đến làm việc và 178 lượt người nước ngoài đến thăm thân, du lịch tại địa bàn. Tổ chức xác minh 03 trường hợp đề nghị cấp hộ chiếu, 82 trường hợp công dân không được phía Trung Quốc cho cư trú và 1 trường hợp từ vong tại Trung Quốc theo yêu cầu của Công an tỉnh.

¹⁹ Xây dựng 04 phóng sự về cao điểm đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; tổ chức 03 buổi tuyên truyền lưu động, 48 buổi tuyên truyền tại các trường học, khu dân cư về Luật giao thông đường bộ, PCCC và các biện pháp đảm bảo an toàn PCCC với 12.803 lượt người tham gia, cấp phát 3.074 tờ rơi tuyên truyền về tác hại của rượu bia đối với người tham gia giao thông, tặng 144 mũ bảo hiểm và 2.000 khẩu trang cho học sinh, người tham gia giao thông để phòng, chống dịch Covid-19.

Tổ chức cho 560 hộ gia đình, kinh doanh ký cam kết chấp hành các quy định về hành lang ATGT, nhắc nhở 1.131 hộ gia đình không lấn chiếm hành lang ATGT, tạm giữ 34 biển quảng cáo, 16 ô dù và nhiều đồ vật khác. Phối hợp với Sở GTVT, Thanh tra giao thông tỉnh Điện Biên lập biên bản, nhắc nhở 07 hộ gia đình tháo dỡ phần mái nhà coi nói vi phạm hành lang GTĐB.

Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, phát hiện nhắc nhở 1.678 trường hợp chấp hành Luật GTĐB, lập biên bản 1.255 trường hợp vi phạm, tước 51 giấy phép lái xe, tạm giữ 97 xe mô tô, xử phạt hành chính 1.210 trường hợp nộp ngân sách nhà nước 686,2 triệu đồng. Tuy nhiên trong năm vẫn xảy ra 03 vụ tai nạn, va chạm giao thông làm 01 người chết, 02 người bị thương, thiệt hại tài sản ước tính khoảng 130,5 triệu đồng.

Trong năm 2020, tình hình kinh tế - xã hội của huyện có những chuyển biến tích cực trên hầu hết các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, nổi bật trên các mặt:

- Kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng, sản xuất nông nghiệp ổn định. Công tác quản lý ngân sách được bảo đảm. Tiến độ triển khai thực hiện, giải ngân của các công trình, dự án (đặc biệt là các công trình do xã làm chủ đầu tư) có chuyển biến tích cực.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội cơ bản đạt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; thực hiện tốt việc giãn cách xã hội, cách ly tập trung trong phòng, chống dịch Covid-19. Công tác an sinh xã hội được đảm bảo, đặc biệt đã chi trả hỗ trợ kịp thời cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

- Kỷ cương, hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước đang từng bước được nâng lên; quốc phòng an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

II. Một số hạn chế, yếu kém

- Trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp: Còn một số hộ gia đình, cá nhân tại xã Ta Ma phát nương rẫy vào rừng.

- Trong lĩnh vực tài nguyên - môi trường: Việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa các hộ gia đình tại một số xã, thị trấn còn chậm.

- Công tác xây dựng chính quyền: Một số nhiệm vụ trong công tác cải cách hành chính tại một số xã, thị trấn chưa được quan tâm đúng mức; việc thực hiện chế độ báo cáo của một số cơ quan, đơn vị có lúc chưa kịp thời, chất lượng báo cáo chưa cao.

- Công tác quốc phòng, an ninh: Tình hình trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định như: mua bán, sử dụng ma túy, tranh chấp đất đai...

III. Nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém

- Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến sản xuất đời sống của nhân dân.

- Một số cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn chưa chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện, chưa nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, đặc biệt là các xã vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại sự giúp đỡ, hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn huyện trong việc triển khai các chương trình, dự án. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn chưa chặt chẽ, đồng bộ, trách nhiệm chưa cao.

- Một số xã chưa thực sự quan tâm nhiều đến chất lượng của tài liệu kiểm chứng trong chấm điểm CCHC; việc thực hiện chế độ báo cáo chưa được các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn quan tâm đúng mức.

- Năng lực của một số công chức còn hạn chế. Một bộ phận nhân dân nhất là người nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức, quyết tâm phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG-AN NINH NĂM 2021

A. MỤC TIÊU

Tiếp tục khai thác tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển kinh tế, đặc biệt đẩy mạnh Tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn vốn nhằm triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Thực hiện quyết liệt công tác cải cách hành chính nhất là cải cải thủ tục hành chính, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự và khối đoàn kết các dân tộc trên địa bàn huyện.

B. NHIỆM VỤ

I. Lĩnh vực kinh tế

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

1.1. Phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp

- Đẩy mạnh Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng các giống mới vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. Đảm bảo sản lượng cây lương thực đạt 37.540 tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 19.000 tấn.

- Khuyến khích phát triển cây công nghiệp ngắn ngày để tận dụng tối đa khả năng canh tác trên đất một vụ lúa. Tập trung chăm sóc, bảo vệ 342 ha cây cà phê (phần đầu sản lượng đạt 420 tấn) và 1.320 ha cây cao su (phần đầu sản lượng khai thác đạt 843,6 tấn mũ khô); nhân rộng diện tích của cây mắc ca theo kế hoạch của tỉnh. Tăng cường các biện pháp chăm sóc, bảo vệ đối với diện tích cây lâm sản ngoài gỗ hiện có.

- Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, chống đói, chống rét cho đàn gia súc, gia cầm. Đảm bảo tốc độ tăng đàn, phần đầu đàn trâu đạt 18.500 con, đàn bò đạt 16.350 con, đàn lợn đạt 50.000 con, tổng đàn gia cầm 700.000 con. Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 295 ha, tổng sản lượng đạt trên 380 tấn.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép. Tập trung thực hiện nhiệm vụ phát triển rừng, triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: Trồng 50 ha rừng phòng hộ, 400 cây các loại nhân dịp tết trồng cây và trồng cây phân tán, khoanh nuôi tái sinh mới được thêm 650 ha... Phần đầu độ che phủ rừng đạt 39%.

1.2. Phát triển nông thôn

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP) huyện Tuần Giáo giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên cơ sở lồng ghép, phát huy tối đa nguồn lực của huyện và của các chương trình, dự án khác thực hiện trên địa bàn; ưu tiên triển khai thực hiện trước các công trình hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, điện, thủy lợi, giáo dục, y tế, nước sạch... các

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư và triển khai các công trình đã được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công năm 2021. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, làm tốt công tác phối hợp với MTTQ triển khai giám sát cộng đồng. Đẩy nhanh tiến độ quyết toán những công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo thời gian quy định.

- Tiếp tục tăng cường kiểm tra Quy chế quản lý đô thị, quản lý xây dựng và trật tự đô thị trên địa bàn thị trấn Tuần Giáo. Tiếp tục chăm sóc, theo dõi mô hình trồng khảo nghiệm cây sâm Ngọc Linh trên địa bàn xã Tênh Phong.

3. Tài nguyên và môi trường

Tăng cường công tác quản lý nhằm ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các vụ việc vi phạm luật về tài nguyên đất, nước, khoáng sản và môi trường. Đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân và công tác GPMB nhằm đảm bảo tiến độ các công trình, dự án. Tăng cường công tác tuyên truyền, tập trung giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp đất đai trên địa bàn. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch.

4. Phát triển các ngành dịch vụ

- Đẩy mạnh hoạt động thương mại dịch vụ, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia có sự quản lý của Nhà nước, chú trọng các mặt hàng thiết yếu phục vụ đồng bào các dân tộc vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích đầu tư hạ tầng để phát triển mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính viễn thông đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội; đa dạng hóa loại hình, nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ. Đẩy mạnh tốc độ phát triển dịch vụ bưu chính, viễn thông và CNTT tới vùng sâu, vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn.

5. Tài chính – ngân hàng

- Thực hiện điều hành dự toán thu chi ngân sách năm 2021 linh hoạt theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Tăng cường quản lý thu ngân sách trên địa bàn, tích cực đôn đốc xử lý nợ đọng thuế. Phấn đấu tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 53.000 triệu đồng.

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi tiêu hành chính, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo đúng quy định của luật ngân sách, đảm bảo các khoản dự phòng chi cho các yêu cầu nhiệm vụ chi cấp bách, đột suất phát sinh trên địa bàn. Dự kiến tổng chi ngân sách đạt 683.486 triệu đồng.

- Các ngân hàng tăng cường huy động vốn tại địa phương, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho các hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Nâng dư nợ tín dụng để tháo gỡ khó khăn về vốn cho các đơn vị, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh hậu dịch Covid-19 đi đôi với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, tập trung xử lý nợ xấu. Thực hiện kịp thời các chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng đúng quy định của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

II. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

1. Giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị trường học giai đoạn 2018-2021 đảm bảo kế hoạch và rà soát, xây dựng kế hoạch 2022-2025. Tích cực tuyên truyền, duy trì sỹ số học sinh; vận động đưa học sinh lớp 3, 4, 5 từ các điểm bản

về trung tâm; sắp xếp tăng số học sinh/lớp, tăng số lớp/trường nhưng không vượt quá quy định. Phân đầu chất lượng giáo dục, các tỉ lệ huy động và duy trì số lượng học sinh bằng và cao hơn năm 2020.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (cấp tiểu học), mô hình trường học mới (cấp THCS) và triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới đối với lớp 2 và lớp 6.

- Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đủ về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng; tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, nhất là vùng sâu, vùng cao. Duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại các xã, thị trấn. Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đảm bảo đúng quy định

- Tiếp tục thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956; trong đó tập trung vào những ngành nghề như Kỹ thuật chăn nuôi gà đồi, vườn; Kỹ thuật trồng thâm canh cây ăn quả; Kỹ thuật sản xuất rau an toàn; Kỹ thuật chăn nuôi, phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm... , từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, phân đầu tạo việc làm cho trên 80% học viên sau khi tốt nghiệp, góp phần nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho các học viên.

2. Văn hoá – TDTT và thông tin

- Tiếp tục thông tin kịp thời, chính xác tình hình dịch bệnh Covid-19. Đây mạnh tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn diễn ra trong năm, đặc biệt Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Tích cực tuyên truyền, khuyến khích nhân dân tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của người dân, góp phần duy trì, nâng cao hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

- Đảm bảo thời lượng phát sóng truyền thanh, dừng việc phát sóng truyền hình analog và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng trạm phát sóng số hóa mặt đất trên địa bàn theo Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình tương tự mặt đất của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin tuyên truyền góp phần triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng đa dạng và phong phú của nhân dân.

3. Công tác y tế - dân số - trẻ em

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, tăng cường giám sát dịch tễ, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các ca bệnh, không để dịch xảy ra. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số. Chú trọng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và đảm bảo chế độ chính sách BHYT, người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi. Quản lý chặt chẽ các cơ sở hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn. Tăng cường hoạt động quản lý, kiểm tra đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trong năm phấn đấu xây dựng thêm 02 xã: Ta Ma và Mường Khong đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

- Tuyên truyền, quán triệt sâu rộng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chính sách Dân số, tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết, phòng chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới và các hoạt động truyền thông về dân số. Chú trọng tầm soát, chẩn đoán sớm, bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm từng bước nâng cao chất lượng dân số.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để phổ biến Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, từng bước nâng cao chất lượng dân số, góp phần giảm các nguy cơ tử vong của trẻ em. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đối với trẻ em.

4. Thực hiện các chính sách xã hội

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo đúng quy định. Tiếp tục đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người lao động, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, liên kết mở rộng thị trường lao động trong và ngoài tỉnh nhằm tăng chỉ tiêu đưa người lao động đi làm việc tại các khu công nghiệp và xuất khẩu lao động. Phấn đấu trong năm tạo việc làm mới cho 1.000 lao động.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền từ đó tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện các chương trình giảm nghèo, thúc đẩy người dân có ý chí vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 4-5%.

- Tích cực tuyên truyền Luật BHXH, BHYT tới các đơn vị sử dụng lao động và toàn thể nhân dân. Tiếp tục khai thác, mở rộng các loại hình bảo hiểm tạo điều kiện cho các cá nhân, doanh nghiệp ngoài quốc doanh tham gia. Thực hiện cài đặt phần mềm VssID trên điện thoại thông minh để hỗ trợ theo dõi bảo hiểm xã hội cho các cá nhân, tổ chức.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về tác hại của ma túy và tổ chức cai nghiện bắt buộc cho 20 đối tượng và cai nghiện cộng đồng cho 30 đối tượng, nâng cao hiệu quả giải quyết một số vấn đề xã hội sau cai nghiện ma túy; tiếp tục tổ chức điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone. Tăng cường công tác giám sát, phát hiện và quản lý điều trị bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS nhằm giảm tối đa số người mắc mới.

5. Công tác dân tộc và tôn giáo

Tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn tập trung triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn huyện đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở để các chương trình, dự án triển khai có hiệu quả. Tiếp tục quản lý hoạt động tôn giáo trên địa bàn.

III. Lĩnh vực tư pháp, thanh tra và tổ chức xây dựng chính quyền

- Tăng cường chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Phối hợp, lồng ghép tổ chức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý cho nhân dân để bảo vệ các

quyền, lợi ích hợp pháp của người dân. Tiếp tục đẩy mạnh công tác theo dõi thi hành pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, hòa giải ở cơ sở, công tác hộ tịch, chứng thực và xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Tăng cường thanh tra trong việc quản lý, thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân ngay từ cơ sở; chú trọng công tác kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết đơn thư của công dân theo thẩm quyền; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong việc tiếp công dân, đối thoại với nhân dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức và đơn vị trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng củng cố chính quyền trong sạch, vững mạnh; thực hiện tốt pháp luật dân chủ ở cơ sở. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP, ngày 23/4/2018 của Chính phủ về quy chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo và các chính sách liên quan đến công tác cán bộ, CCVC theo đúng quy định nhà nước. Phối hợp với HĐND huyện tổ chức thành công bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

IV. Lĩnh vực quốc phòng và an ninh

- Thường xuyên duy trì nghiêm túc các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, chủ động đối phó với các tình huống, diễn biến, không để xảy ra các tình huống bất ngờ; đẩy mạnh xây dựng củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân để đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng vững chắc khu vực phòng thủ. Chỉ đạo các xã trong kế hoạch chuẩn bị đầy đủ mọi nội dung để tổ chức chiến đấu phòng thủ cấp xã, diễn tập Ứng phó lụt bão và tìm kiếm cứu nạn, diễn tập Ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân năm 2021, triển khai công tác huấn luyện, giáo dục quốc phòng, công tác quân sự địa phương thực hiện theo kế hoạch.

- Tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, chủ động tấn công trấn áp các loại tội phạm, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự ATXH. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp kiềm chế giảm tai nạn giao thông, đẩy lùi tệ nạn xã hội trên địa bàn, kiềm chế hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật, di dịch cư tự do, không để xảy ra điểm nóng về an ninh trật tự. Xây dựng, triển khai các phương án, kế hoạch bảo vệ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

C. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG-AN NINH NĂM 2021

I. Thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương

1. Về phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

- Tăng cường chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu sản xuất của ngành nông nghiệp theo kế hoạch. Chủ động xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống và kiểm soát chặt chẽ tình hình diễn biến dịch, bệnh trên

cây trồng, vật nuôi. Đẩy mạnh thực hiện các nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tập trung triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh; mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả. Tiếp tục kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển các loại cây công nghiệp, cây dược liệu có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện và quy hoạch của tỉnh.

- Đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng thay thế. Tiếp tục phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; thực hiện việc giao rừng và giao đất lâm nghiệp chưa có rừng cho cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo Kế hoạch của tỉnh. Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chủ trương nhà nước và nhân dân cùng làm trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình đầu tư cho nông thôn, nông nghiệp.

2. Về phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng và tài nguyên - môi trường

- Tập trung chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất công nghiệp theo kế hoạch. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản; tiếp tục thực hiện tốt chính sách khuyến công đối với các cơ sở tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý tiến độ, chất lượng các công trình xây dựng để đảm bảo tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn. Tích cực tuyên truyền phổ biến chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” trong thực hiện các dự án hạ tầng phục vụ trực tiếp lợi ích của nhân dân để từng bước tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến đền bù giải phóng mặt bằng.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên - môi trường; tăng cường công tác phối hợp nhằm giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp đất đai trên địa bàn.

3. Phát triển các ngành dịch vụ

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hệ thống phân phối bán lẻ tới các khu vực vùng sâu, vùng cao đảm bảo cung cấp các mặt hàng thiết yếu và thu mua nông sản hàng hóa cho nhân dân, nhằm tạo điều kiện lưu thông hàng hóa, thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hoá, vệ sinh an toàn thực phẩm, chống buôn lậu, gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi cho người sản xuất và tiêu dùng.

4. Tăng cường công tác quản lý, điều hành thu chi ngân sách

Tập trung chỉ đạo công tác thu ngân sách, tăng cường các biện pháp chống thất thu ngân sách, hạn chế thấp nhất việc nợ đọng thuế. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất. Tăng

cường kiểm tra, giám sát chi tại các đơn vị dự toán đảm bảo đúng Luật Ngân sách, đảm bảo dự phòng chi cho các yêu cầu nhiệm vụ chi cấp bách, đột xuất phát sinh trên địa bàn.

II. Đảm bảo an sinh xã hội gắn với giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống nhân dân

1. Giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề; đẩy mạnh công tác phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin, nhu cầu tuyển dụng tới người lao động chưa có việc làm để người lao động có cơ hội được lựa chọn ngành nghề đào tạo phù hợp. Nâng cao hiệu quả của chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi phát triển sản xuất nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động.

- Tăng cường lồng ghép các chương trình, dự án và chính sách đối với hộ nghèo, người nghèo để tập trung huy động các nguồn lực cho công tác xóa đói giảm nghèo. Thực hiện tốt công tác tổng rà soát hộ nghèo, gắn trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền mỗi địa bàn với kết quả tổ chức triển khai thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo. Tăng cường tuyên truyền vận động để nâng cao quyết tâm thoát nghèo của người dân; đánh giá kết quả công tác giảm nghèo một cách thực chất, công khai từ đó có những giải pháp thực hiện hiệu quả.

2. Giải quyết các vấn đề xã hội

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục, tổ chức đánh giá kết quả học tập chính xác, khách quan. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên chưa đạt chuẩn. Gắn học tập với thực hành phù hợp với đặc điểm và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đẩy mạnh công tác xã hội hóa tại những địa bàn có điều kiện.

- Tăng cường năng lực của chính quyền cơ sở và các cơ quan, đơn vị trong đấu tranh, không chế làm giảm tệ nạn xã hội. Gắn các hoạt động của các tổ chức đoàn thể và chính quyền cơ sở với tham gia đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội và phòng chống HIV-AIDS ngay tại địa bàn. Phối hợp với MTTQ và các đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến Luật hôn nhân và gia đình nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn.

- Mở rộng mô hình điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng methadone. Quản lý chặt chẽ sau cai nghiện gắn với trách nhiệm của gia đình và chính quyền cơ sở, chú trọng giải quyết việc làm cho các đối tượng sau khi cai nghiện.

- Tăng cường chất lượng hoạt động của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; thực hiện tốt các chế độ BHYT, khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi. Nâng cao ý thức của người thầy thuốc, thực hiện tốt quy chế chuyên môn và quy tắc ứng xử trong các cơ sở y tế. Tăng cường cán bộ y tế cho các đơn vị tuyến cơ sở nhằm hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các xã, góp phần nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình chính sách, người dân bị thiệt hại do thiên tai, đồng bào dân tộc

thiếu số; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất và đời sống cho người nghèo để góp phần ổn định đời sống xã hội.

- Tiếp tục tăng cường quản lý hoạt động tôn giáo trên địa bàn, thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo.

III. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường vai trò giám sát của nhân dân và các tổ chức đoàn thể. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, thực hiện rà soát, kiến nghị sửa đổi kịp thời các thủ tục hành chính không phù hợp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan hành chính.

- Tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới lề lối làm việc của chính quyền cơ sở theo hướng chỉ đạo điều hành công việc sát dân, gần dân, kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng đối với các đơn vị sử dụng ngân sách. Phát huy vai trò của nhân dân, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu...

- Quan tâm, chấn chỉnh để thực hiện tốt hơn chế độ thông tin báo cáo của các cơ quan, đơn vị và làm cơ sở xét thi đua khen thưởng đảm bảo chặt chẽ, khách quan và minh bạch.

- Tiếp tục tăng cường năng lực phòng thủ, chủ động đối phó với các tình huống, diễn biến, không để xảy ra các tình huống bất ngờ; Chú trọng kết hợp củng cố quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, bảo đảm các điều kiện cơ bản về sản xuất, đời sống cho đồng bào các dân tộc ở các địa bàn trọng điểm.

- Thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án quốc gia về phòng chống tội phạm; chủ động phòng ngừa, đấu tranh kiềm chế, làm giảm các loại tội phạm. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm hạn chế tai nạn, bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Trên đây là Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021 của UBND huyện Tuần Giáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch – Đầu tư;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Đức

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSTW (VỐN TRONG NƯỚC KHÔNG BAO GỒM VỐN TPCP) NĂM 2020
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Thuận Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMĐT	Nguồn vốn năm 2020				Khối lượng thực hiện				Khối lượng Giải ngân				Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công					
	TỔNG SỐ		294.875	129.017,5	21.562,5	107.455,0	137.915,3	218.226,0	21.562,5	107.455,0	211.652,7					
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới		147.422	64.979,8	4.029,8	60.950,0	66.633,8	105.254,6	4.029,8	60.950,0	99.990,4					
a	Công trình tiếp chi		84.573	19.415,8	3.429,8	15.986,0	21.564,6	59.237,4	3.429,8	15.986,0	54.226,4					
*	Ban QLDA các công trình		54.043	7.427,5	33,3	7.394,2	11.397,0	33.146,6	33,3	7.394,2	29.298,0					
1	Đường QL6 - bản Nặm - bản Hắc	Xã Mường Mùn	7.000	461,2	-	461,2	-	5.970,4	-	461,2	5.970,4					
2	Đường từ bản Xuân Tươi - bản Hóm	Xã Mường Mùn	3.500	33,3	33,3	-	-	2.958,5	33,3	-	2.958,5					
3	Đường QL279 - TT xã Pú Nhung	Xã Quài Nưa, Pú Nhung	14.950	2.688,0	-	2.688,0	6.536,6	14.036,6	-	2.688,0	10.188,0					
4	Nhà văn hoá thể thao xã Phình Sáng	Xã Phình Sáng	2.823	1.504,5	-	1.504,5	2.284,4	2.377,0	-	1.504,5	2.377,0					
5	Nhà văn hoá thể thao xã Toả Tinh	Xã Toả Tinh	2.900	113,0	-	113,0	-	2.611,0	-	113,0	2.611,0					
6	Tường THCS xã Chiềng Đông huyện Thuận Giáo	Xã Chiềng Đông	19.000	2.576,0	-	2.576,0	2.576,0	2.576,0	-	2.576,0	2.576,0		LG vốn CBNSP			
7	Đường QL6 - bản Công xã Quài Cang	Xã Quài Cang	3.870	51,5	-	51,5	-	2.617,0	-	51,5	2.617,0					
*	UBND xã Nà Tông		1.850	-	-	-	-	-	-	-	-					
1	Nhà văn hóa xã Nà Tông	Xã Nà Tông	1.850	-	-	-	-	-	-	-	-					
*	UBND xã Tênh Phông		2.000	841,4	74,4	767,0	-	1.923,9	74,4	767,0	1.923,9					
1	Nhà văn hóa xã Tênh Phông	Xã Tênh Phông	2.000	841,4	74,4	767,0	-	1.923,9	74,4	767,0	1.923,9					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMBT	Nguồn vốn năm 2020				Khối lượng thực hiện			Khối lượng Giải ngân				Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công				
*	UBND xã Mường Mùn		4.300	4.169,0	100,0	4.069,0	3.435,3	4.169,6	100,0	4.069,0	4.169,0				
1	Nhà văn hoá xã Mường Mùn	Xã Mường Mùn	2.050	1.990,0	50,0	1.940,0	1.617,3	1.990,6	50,0	1.940,0	1.990,0				
2	Nhà văn hoá: Bàn Hười Lốt; Bàn Mường 1 + 2 + 3 (2 nhà)	Xã Mường Mùn	2.250	2.179,0	50,0	2.129,0	1.818,0	2.179,0	50,0	2.129,0	2.179,0				
*	UBND xã Quài Nưa		3.000	339,8	-	339,8	250,0	2.450,0	-	339,8	2.030,0				
1	Nhà văn hóa xã Quài Nưa	Xã Quài Nưa	3.000	339,8	-	339,8	250,0	2.450,0	-	339,8	2.030,0				
*	UBND xã Quài Tở		3.050	90,1	90,1	-	2.655,0	2.655,0	90,1	-	2.364,0				
1	BT mặt đường, Kè chắn đất đường từ QL279 đi bản Hời (địa phận bản Bàn, bản Hời), xã Quài Tở	Xã Quài Tở	3.050	90,1	90,1	-	2.364,0	2.364,0	90,1	-	2.364,0				
*	UBND xã Mường Thín		2.550	269,0	-	269,0	108,4	2.238,4	-	269,0	2.199,0				
1	Nhà văn hoá bản Thín B, xã Mường Thín	Xã Mường Thín	1.150	85,0	-	85,0	108,4	1.138,4	-	85,0	1.115,0				
2	Đường BT nội bản Chín xã Mường Thín	Xã Mường Thín	1.400	184,0	-	184,0	1.100,0	1.100,0	-	184,0	1.084,0				
*	UBND xã Quài Cang		5.330	1.986,9	1.500,9	486,0	1.944,5	4.874,5	1.500,9	486,0	4.591,0				
1	Đường giao thông từ bản Sáng đến bản Ten Cá xã Quài Cang	Xã Quài Cang	3.430	393,9	300,9	93,0	250,0	3.030,0	300,9	93,0	2.998,0				
2	Nhà văn hóa xã Quài Cang	Xã Quài Cang	1.900	1.593,0	1.200,0	393,0	1.694,5	1.844,5	1.200,0	393,0	1.593,0				
*	UBND xã Chiềng Đông		4.350	2.438,0	1.100,0	1.338,0	2.167,1	4.017,1	1.100,0	1.338,0	3.981,9				
1	Đường QL 279 - bản Cộing	Xã Chiềng Đông	2.300	388,0	-	388,0	335,2	2.035,2	-	388,0	2.000,0				
2	Nhà văn hóa xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	2.050	2.050,0	1.100,0	950,0	1.831,9	1.981,9	1.100,0	950,0	1.981,9				
*	UBND xã Mường Khong		2.300	1.109,1	531,1	578,0	1.554,6	2.054,6	531,1	578,0	2.054,6				
1	Nhà văn hóa xã Mường Khong	Xã Mường Khong	2.300	1.109,1	531,1	578,0	1.554,6	2.054,6	531,1	578,0	2.054,6				
*	UBND xã Rạng Đông		1.800	745,0	-	745,0	707,7	1.707,7	-	745,0	1.615,0				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMĐT	Nguồn vốn năm 2020					Khối lượng thực hiện			Khối lượng Giải ngân				Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kào dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công					
1	Đường BT nội bản Noong Luông	Xã Ràng Đông	1.800	745,0	-	745,0	707,7	1.707,7		745,0	1.615,0					
b	Công trình khởi công mới 2020		62.849	45.564,0	600,0	44.964,0	45.069,2	46.017,2	600,0	44.964,0	45.764,0					
*	Ban QLDA các công trình		62.849	45.564,0	600,0	44.964,0	45.069,2	46.017,2	600,0	44.964,0	45.764,0					
1	Đường từ bản Nà Sáy 1 đến Pa Cà, xã Nà Sáy	Xã Nà Sáy	5.700	4.950,0	-	4.950,0	5.203,2	5.403,2	200,0	4.950,0	5.150,0					
2	Đường TT xã Pù Nhung - bản Phiêng Pí	Xã Pù Nhung	10.500	8.786,0	200,0	8.586,0	8.586,0	8.786,0	200,0	8.586,0	8.786,0					
3	Đường từ Km 5+ 75m (lối rẽ đi Thùy điện Long Tào) đến bản Hua Mực 1, xã Pù Xi	Xã Pù Xi	14.100	13.970,0	200,0	13.770,0	13.770,0	13.970,0	200,0	13.770,0	13.970,0					
4	Đường từ bản Khùa Trá và bản Phiêng Hoa xã Phình Sáng	Xã Phình Sáng	6.000	198,0	100,0	98,0		198,0	100,0	98,0	198,0					
5	Đường QL6 - bản Kệt xã Quải Cang	Xã Quải Cang	7.449	2.666,0	-	2.666,0	2.666,0	2.666,0		2.666,0	2.666,0			LG vốn CENSDP 4020		
6	Nâng cấp đường từ TT xã Tênh Phông đến ngã ba Há Dừa (giai đoạn 1)	Xã Tênh Phông	9.500	9.319,0	100,0	9.219,0	9.319,0	9.319,0	100,0	9.219,0	9.319,0					
7	Đường QL6 - bản Co Sần, xã Mùn Chung	Xã Mùn Chung	9.600	5.675,0	-	5.675,0	5.525,0	5.675,0		5.675,0	5.675,0			LG 135, dân góp 600tr.đ		
II	Chương trình MTQG giảm nghèo thực hiện theo Quyết định 275/QĐ-TTg		89.467	38.599,1	12.945,1	25.654,0	45.295,1	70.689,6	12.945,1	25.654,0	70.686,0					
a	Dự án tiếp chi, hoàn thành năm 2020		65.899	25.371,1	12.945,1	12.426,0	32.067,1	57.461,6	12.945,1	12.426,0	57.458,0					
*	Ban QLDA các công trình		58.399	21.074,7	8.648,7	12.426,0	27.767,1	53.161,6	8.648,7	12.426,0	53.161,6					
1	Sửa chữa đường Mường Khong - Hua Sắt xã Mường Khong	Xã Mường Khong	14.990	7.352,8	499,8	6.853,0	12.853,0	14.353,0	499,8	6.853,0	14.353,0					
2	Nâng cấp đường QL6- bản Lòng (giai đoạn 2)	Xã Tòa Tỉnh	11.500	5.271,5	890,5	4.381,0	9.181,0	10.381,0	890,5	4.381,0	10.381,0					
3	Đường TT xã Tòa Tỉnh - bản Hua Sa A	Xã Tòa Tỉnh	2.800	1.373,3	181,3	1.192,0	1.520,0	2.520,0	181,3	1.192,0	2.520,0					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMĐT	Nguồn vốn năm 2020				Khối lượng thực hiện			Khối lượng Giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công			
4	Nước sinh hoạt trung tâm xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	3.200	1.764,5	1.764,5	-	805,5	3.040,5	1.764,5	-	3.040,5			
5	Sửa chữa đường bản Bó - bản Nóm - bản Chăn xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	5.129	1.531,9	1.531,9	-	1.197,0	4.957,0	1.531,9	-	4.957,0			
6	Nước sinh hoạt bản Ten Cá xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo	Xã Quài Cang	2.000	41,3	41,3	-	112,9	1.920,5	41,3	-	1.920,5			
7	Thủy lợi bản Thín B xã Mường Thín, huyện Tuần Giáo	Xã Mường Thín	2.500	96,7	96,7	-	72,9	2.125,0	96,7	-	2.125,0			
8	Thủy lợi bản Năm Chăn xã Chiềng Đông	Xã Năm Chăn	3.500	1.312,5	1.312,5	-	850,2	3.010,2	1.312,5	-	3.010,2			
9	Tương THCS Khong Hìn xã Mường Khong huyện Tuần Giáo	Xã Mường Khong	4.450	464,3	464,3	-	793,3	3.963,3	464,3	-	3.963,3			
10	Thủy lợi bản Hốc xã Mường Mùn huyện Tuần Giáo	Xã Mường Mùn	2.000	43,3	43,3	-	95,7	1.897,5	43,3	-	1.897,5			
11	Thủy lợi Nà Đén (Nà Sáy) xã Nà Sáy huyện Tuần Giáo	Xã Nà Sáy	6.330	1.822,6	1.822,6	-	285,6	4.993,6	1.822,6	-	4.993,6			
*	UBND xã Nà Tông		4.500	4.296,4	4.296,4	-	4.300,0	4.300,0	4.296,4	-	4.296,4			
1	Tạm y tế xã Nà Tông, xã Nà Tông	xã Nà Tông	4.500	4.296,4	4.296,4	-	4.300,0	4.300,0	4.296,4	-	4.296,4			
b	Dự án sử dụng vốn 10% dự phòng kế hoạch trung hạn		11.068	10.161,0	10.161,0	-	10.161,0	10.161,0	-	-	10.161,0			
*	Ban QLDA các công trình		11.068	10.161,0	10.161,0	-	10.161,0	10.161,0	-	-	10.161,0			
1	Đường từ bản Hua Mực 1 đến trụ sở trạm xã Pú Xi	Xã Pú Xi	11.068	10.161,0	10.161,0	-	10.161,0	10.161,0	-	-	10.161,0			
c	Dự án bổ sung bằng vốn hết nhu cầu của chương trình 275 Giai đoạn 2018 - 2020		7.500	367,0	367,0	-	367,0	367,0	-	-	367,0			
*	Ban QLDA các công trình		7.500	367,0	367,0	-	367,0	367,0	-	-	367,0			
1	Nâng cấp đường bản Hồng Lực - TT xã Mường Khong		7.500	367,0	367,0	-	367,0	367,0	-	-	367,0			
d	Dự án có cùng mục tiêu nhưng còn thiếu vốn		5.000	2.700,0	2.700,0	-	2.700,0	2.700,0	-	-	2.700,0			
*	Ban QLDA các công trình		5.000	2.700,0	2.700,0	-	2.700,0	2.700,0	-	-	2.700,0			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMDT	Nguồn vốn năm 2020				Khối lượng thực hiện			Khối lượng Giải ngân				Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công				
1	Trương Mãn non Mường Mùn	Xã Mường Mùn	5.000	2.700,0	-	2.700,0	2.700,0	2.700,0	2.700,0	2.700,0	2.700,0	2.700,0	2.700,0	LG NSDP	
III	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững CT 135		57.986	25.438,6	4.587,6	20.851,0	25.986,3	42.281,7	4.587,6	20.851,0	40.976,3				
a	Công trình tiếp chi		30.500	2.699,2	2.699,2	-	1.936,9	17.265,3	2.699,2	-	17.265,3				
*	Ban QLDA các công trình		22.500	1.365,1	1.365,1	-	224,0	10.074,7	1.365,1	-	10.074,7				
1	Đường liên bản Pâu + bản Môn + bản Hới Trong tới khu tái định cư xã Quải Tở	Xã Quải Tở	3.500	50,0	50,0	-	-	3.350,0	50,0	50,0	3.350,0				
2	Điểm trường mầm non Hua Mực 2, xã Pú Xi	Xã Pú Xi	2.800	984,7	984,7	-	35,2	2.549,7	984,7	984,7	2.549,7				
3	Đường từ ngã ba (Tỉnh Phong, Huổi Anh) đến bản Huổi Anh xã Tênh Phong	Xã Tênh Phong	4.200	330,5	330,5	-	188,8	4.175,0	330,5	330,5	4.175,0				
*	UBND xã Quải Nưa		4.500	670,7	670,7	-	670,7	4.390,7	670,7	-	4.390,7				
1	Đường giao thông từ QL6 đến bản Lòng Hồng xã Quải Nưa	Xã Quải Nưa	4.500	670,7	670,7	-	670,7	4.390,7	670,7	-	4.390,7				
*	UBND xã Mường Mùn		2.000	310,5	310,5	-	100,0	1.800,0	310,5	-	1.800,0				
1	Điểm trường MN bản Hốc, bản Hóm xã Mường Mùn	Xã Mường Mùn	2.000	310,5	310,5	-	100,0	1.800,0	310,5	310,5	1.800,0				
*	UBND xã Mường không		1.500	353,0	353,0	-	942,2	1.000,0	353,0	-	1.000,0				
1	Nhà văn hóa bản Co Đưa xã Mường không	Xã Mường không	1.500	353,0	353,0	-	942,2	1.000,0	353,0	-	1.000,0				
b	Công trình khởi công mới 2020		27.486	22.739,4	1.888,4	20.851,0	24.049,5	25.016,4	1.888,4	20.851,0	23.711,0				
*	Ban QLDA các công trình		25.336	20.989,4	1.338,4	19.651,0	22.049,5	23.016,4	1.338,4	19.651,0	21.961,0				
1	Đường dân sinh ngăn tràn liên hợp bản Nông Tông xã Nà Tông	Xã Nà Tông	5.200	4.300,0	-	4.300,0	4.300,0	4.500,0	4.300,0	4.300,0	4.300,0				
2	Nước sinh hoạt trung tâm xã Phình Sáng	Xã Phình Sáng	1.550	1.460,0	50,0	1.410,0	1.410,0	1.460,0	50,0	1.410,0	1.460,0				
3	Thủy lợi bản Công, bản Sào Xã Quải Cang	Xã Quải Cang	1.000	525,4	525,4	-	780,0	1.000,0	525,4	-	1.000,0				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMĐT	Nguồn vốn năm 2020			Khối lượng thực hiện		Khối lượng Giải ngân				Ghi chú
				Tổng KH Vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn Kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế Giải ngân từ khởi công		
4	Đường QL6 - bản Co Săn, xã Mùn Chung	Xã Mùn Chung	3.086	3.086,0	-	3.086,0	3.086,0	3.086,0	3.086,0	3.086,0	3.086,0	3.086,0	LG vốn NTM
5	Đường Nậm Cá - bản Hồng Lược, xã Nà Sáy	Xã Nà Sáy	14.500	11.618,1	763,1	10.855,0	12.473,5	12.970,4	763,1	10.855,0	12.115,0		
*	UBND xã Chiềng Sinh		1.100	850,0	50,0	800,0	1.000,0	1.000,0	50,0	800,0	850,0		
1	Đường nội bản Dìn Dìn GDD2, xã Chiềng Sinh	Xã Chiềng Sinh	1.100	850,0	50,0	800,0	1.000,0	1.000,0	50,0	800,0	850,0		
*	UBND xã Quải Cang		1.050	900,0	500,0	400,0	1.000,0	1.000,0	500,0	400,0	900,0		
1	Đường bản Hân Xã Quải Cang	Xã Quải Cang	1.050	900,0	500,0	400,0	1.000,0	1.000,0	500,0	400,0	900,0		

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Thuận Giao)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	TMĐT	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện			Khối lượng Giải ngân			Ghi chú
					Năm 2020	Lũy kế khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công			
	TỔNG SỐ		129.060	31.155,0	27.685,0	114.466,6	31.155,0	114.276,4			
A	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		61.300	19.080,0	17.430,4	55.156,9	19.080,0	55.066,7			
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020		53.300	12.497,0	11.077,4	48.553,9	12.497,0	48.463,7			
*	Ban QLDA các công trình		53.300	12.497,0	11.077,4	48.553,9	12.497,0	48.463,7			
1	Trụ sở xã Phình Sáng huyện Thuận Giao	Xã Phình Sáng	7.500	368,0	60,2	7.364,0	368,0	7.364,0			
2	Trụ sở xã Tênh Phong huyện Thuận Giao	Xã Tênh Phong	7.300	479,0	173,0	6.571,0	479,0	6.571,0			
3	Trường THCS xã Quài Cang huyện Thuận Giao	Xã Quài Cang	6.500	2.901,0	759,8	5.859,8	2.901,0	5.859,8			
4	Trường Mầm non thị trấn Thuận Giao	TT T. Giao	8.000	4.553,0	1.934,0	7.629,2	4.553,0	7.629,2			
5	Trường THCS xã Chiềng Đông huyện Thuận Giao	Xã Chiềng Đông	19.000	1.235,0	7.359,2	15.703,2	1.235,0	15.613,0	LG NTM		
6	Trường MN Mùn Chung xã Mùn Chung	Xã Mùn Chung	5.000	2.961,0	791,1	4.501,4	2.961,0	4.501,4			
b	Khởi công mới 2020		8.000	6.583,0	6.353,0	6.603,0	6.583,0	6.603,0			
*	Ban QLDA các công trình		8.000	6.583,0	6.353,0	6.603,0	6.583,0	6.603,0			
1	Đường QL6 - bản Kệt xã Quài Cang	Xã Quài Cang	8.000	4.000,0	3.870,0	4.020,0	4.000,0	4.020,0			
2	Trường Mầm non Mưông Mùn	xã Mưông Mùn	5.000	2.283,0	2.183,0	2.283,0	2.283,0	2.283,0			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	TMĐT	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện			Khối lượng Giải Ngân		Ghi chú
					Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công		
3	Đường từ bản Hồng Lực đến Trung tâm xã Mường Khong	Xã Mường Khong	12.000	200,0	200,0	200,0	200,0	200,0		
4	Đường trung tâm xã Tênh Phong (Km 1+967) - bản Thẩm Năm	Xã Tênh Phong	14.500	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0		
B	NGUỒN VỐN SỔ KIẾN THIẾT		55.760	6.660,0	4.839,7	53.894,7	6.660,0	53.794,7		
I	Dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2019		47.360	780,0	-	45.975,0	780,0	45.975,0		
*	Phòng Giáo dục và Đào tạo		47.360	780,0	-	45.975,0	780,0	45.975,0		
1	Trường Mầm non, THCS tại xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	Xã Phình Sáng	47.360	780,0		45.975,0	780,0	45.975,0		
II	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020		8.400	5.880,0	4.839,7	7.919,7	5.880,0	7.819,7		
*	Ban QLDA các công trình		7.000	4.580,0	3.439,7	6.519,7	4.580,0	6.519,7		
1	Trường Mầm non An Bình, xã Mường Mùn	Xã Mường Mùn	7.000	4.580,0	3.439,7	6.519,7	4.580,0	6.519,7		
	UBND xã Quài Tở		1.400	1.300,0	1.400,0	1.400,0	1.300,0	1.300,0		
2	Nâng cấp đường nội bản Pom Ban, đường nội bản Ta	Xã Quài Tở	1.400	1.300,0	1.400,0	1.400,0	1.300,0	1.300,0		
C	NGUỒN VỐN 30a		12.000	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0		
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2020		12.000	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0		
*	Ban QLDA các công trình		12.000	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0		
1	Đường trung tâm xã Rạng Đông - bản Háng A	Xã Rạng Đông	12.000	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	5.415,0	LG Vốn CT135; NSDP	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Kam heo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	Nguồn vốn năm 2020					Thực hiện giải ngân				Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công		
	TỔNG CỘNG		305.471	139.421,1	11.876,3	127.544,9	178.845,7	215.976,7	11.876,3	127.544,8	178.484,8		
A	Vốn đầu tư từ nguồn đầu giá QSD đất		58.024	24.604,1	1.018,1	23.586,0	35.731,8	46.689,0	1.018,1	23.586,0	35.311,0		
I	Công trình đang thực hiện tiếp chi		31.264	9.685,2	1.018,1	8.667,1	15.158,0	26.115,2	1.018,1	8.667,1	20.389,2		
*	Ban QLDA các công trình huyện		25.060	7.106	1.018,1	6.088,0	14.958	20.561	1.018	6.088	15.478		
1	Đường từ Sân vận động - huyện đội - QL6 và trấn địa phương không	TT Tuần Giáo	5.080	906,6	190,2	716,4	906,6	2.906,6	190,2	716,4	2.906,6	LG vốn SNGT	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất đầu giá QSD đất khu trung tâm xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	10.700	2.788,0	-	2.788,0	8.461,1	8.680,7	-	2.788,0	3.788,0		
3	Đường + ngầm từ khối Tân Tiến đến bản Chiềng An	TT Tuần Giáo	2.680	83,6	-	83,6	190,1	2.573,7	-	83,6	2.383,6		
4	Via hệ khối Tân Thủy	TT Tuần Giáo	6.600	3.328,0	828,0	2.500,0	5.400,2	6.400,2	828,0	2.500,0	6.400,2		
*	UBND thị trấn Tuần Giáo		5.455	2.264,0	-	2.264,0		4.805,0		2.264,0	4.180,6		
1	Đường Vào bản Đông	TT Tuần Giáo	1.465	714,0	-	714,0		1.300,0		714,0	1.264,0		
2	Đường vào bản Lập	TT Tuần Giáo	1.090	270,0	-	270,0		955,0		270,0	955,0		
3	Rãnh Thoát nước từ Quốc lộ 279 đến khu ruộng Na Ké ra suối	TT Tuần Giáo	1.400	540,0	-	540,0		1.200,0		540,0	1.170,0		
4	Đường vào khối 20/7	TT Tuần Giáo	1.500	740,0	-	740,0		1.350,0		740,0	791,6		
*	UBND xã Quài Nưa		549	133,9	-	133,9		549,0		133,9	549,0		
1	San nền nhà văn hóa thể thao xã Quài Nưa	Xã Quài Nưa	549	133,9	-	133,9		549,0		133,9	549,0		
*	UBND xã Pú Nhung		200	181,2	-	181,2	200,0	200,0		181,2	181,2		
1	Cải tạo, sửa chữa đường từ ngã ba Phiêng Pi - Ngã ba rẽ đi Tênh Lát, xã Pú Nhung	Xã Pú Nhung	200	181,2	-	181,2	200,0	200,0		181,2	181,2		
II	Công trình khởi công mới năm 2020		26.760	14.919	-	14.918,9	20.574	20.574	-	14.919	14.922		

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMĐT	Nguồn vốn năm 2020				Thực hiện khối lượng			Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công			
*	Ban QLDA các công trình huyện		15.000	9.000	-	9.000,0	13.514	13.514	-	9.000	9.000			
1	Nâng cấp vỉa hè khối Trường Xuân	TT Tuấn Giáo	10.000	5.000,0	-	5.000,0	8.711,3	8.711,3		5.000,0	5.000,0			
2	Nâng cấp vỉa hè khối Tân Tiến - Thăng Lợi	TT Tuấn Giáo	5.000	4.000,0	-	4.000,0	4.802,5	4.802,5		4.000,0	4.000,0			
*	UBND thị trấn Tuấn Giáo		7.100	1.628	-	1.627,9	2.400	2.400	-	1.628	1.628		-	
1	Đường các bản Nong Tầu, Chiềng Khoang	UBND Thị Trấn	3.400	800,0	-	800,0	1.200,0	1.200,0		800,0	800,0			
2	Đường khối Thăng Lợi	UBND Thị Trấn	3.700	827,9	-	827,9	1.200,0	1.200,0		827,9	827,9			
*	UBND xã Quai Tở		4.570	4.204	-	4.203,9	4.570	4.570	-	4.204	4.204		-	
1	Nhà văn hóa bản Chằng	Xã Quai Tở	1.050	981,9	-	981,9	1.050,0	1.050,0		981,9	981,9			
2	Nhà văn hóa bản Đưa	Xã Quai Tở	680	625,0	-	625,0	680,0	680,0		625,0	625,0			
3	Nhà văn hóa bản Ngựa	Xã Quai Tở	930	850,0	-	850,0	930,0	930,0		850,0	850,0			
4	Nhà văn hóa bản Cỏ	Xã Quai Tở	950	870,0	-	870,0	950,0	950,0		870,0	870,0			
5	Nâng cấp đường nội bản Ân	Xã Quai Tở	960	877,0	-	877,0	960,0	960,0		877,0	877,0			
*	UBND xã Mùn Chung		90	87	-	87,1	90	90	-	87	90			
	Đường bê tông vào nhà văn hóa bản Bó Lếch, xã Mùn Chung	Xã Mùn Chung	90	87,1	-	87,1	90,0	90,0		87,1	90,0			
B	Vốn sự nghiệp		247.447	114.817,0	10.858,1	103.958,9	143.113,9	169.287,8	10.858,2	103.958,9	143.173,8			
I	Sự nghiệp giao thông		178.370	90.762,7	10.858,1	79.904,6	114.929,0	128.383,5	10.858,2	79.904,6	109.756,4			

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	Nguồn vốn năm 2020				Thực hiện giải ngân				Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế KHối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
I.1	Công trình đang thực hiện tiếp chi		69.520	38.199,3	4.858,1	33.341,1	45.672,8	59.127,3	4.858,2	33.341,1	57.192,9	
*	Ban QLDA các công trình huyện		69.520	38.199,3	4.858,1	33.341,1	45.672,8	59.127,3	4.858,2	33.341,1	57.192,9	
1	Nâng cấp đường vào bản Trung Đình	Xã Pù Nhung	2.700	1.431,5	-	1.431,5	747,3	2.547,3		1.431,5	2.547,3	
2	Nâng cấp đường từ bản Phiêng Pi B - bản Tênh Lá	Xã Pù Nhung	8.000	3.166,4	-	3.166,4	5.856,0	7.856,0		3.166,4	7.450,0	
3	Nâng cấp ngân tràn bản Môn	Xã Quai Tờ	1.750	770,0	-	770,0	770,0	1.570,0		770,0	1.570,0	
4	Nâng cấp cầu vào bản Thảm Pao (02 cầu)	Xã Quai Tờ	2.800	1.284,0	-	1.284,0	1.401,8	2.451,8		1.284,0	2.328,8	
5	Nâng cấp đường QL6 - bản Huổi Cáy	Xã Môn Chung	7.500	3.800,0	-	3.800,0	4.081,2	7.087,2		3.800,0	6.806,0	
6	Nâng cấp đường bản Kệt (khu dân dân Púng Quái)	Xã Quai Cang	3.200	1.931,0	-	1.931,0	1.909,8	2.109,8		1.931,0	2.100,0	
7	Nâng cấp đường từ bản Hàng Tàu - Quốc lộ 6 cũ	Xã Toả Tinh	5.300	4.712,9	-	4.712,9	4.808,3	5.008,3		4.712,9	4.988,0	
8	Nâng cấp đường bản Môn - bản Hời Trong	Xã Quai Tờ	5.500	4.700,0	1.500,0	3.200,0	4.970,0	5.070,0	1.500,0	3.200,0	4.700,0	
9	Nâng cấp đường từ QL 279 - bản Xả Tự	Xã Pù Nhung	2.700	2.146,1	-	2.146,1	2.353,9	2.453,9		2.146,1	2.300,0	
10	Sửa chữa tuyến đường từ bản hóc xã Mưòng Mùn - trung tâm xã Pù Xi	Xã Pù Xi	2.500	201,2	-	201,2	201,2	201,2		201,2	201,2	
11	Khiết phục hậu quả thiên tai đường từ bản Sáng xã Quai Cang đến bản Ché Á xã Toả Tinh	Xã Quai Cang xã Toả Tinh	5.000	2.695,5	1.100,5	1.595,0	4.609,8	4.809,8	1.100,5	1.595,0	4.403,1	
12	Sửa chữa, nâng cấp đường vào bản Song Ia	Xã Toả Tinh	5.300	4.697,8	697,8	4.000,0	4.850,0	5.000,0	697,8	4.000,0	5.000,0	
13	Sửa chữa, nâng cấp đường từ ngã ba Há Dừa đến bản Há Dừa	Xã Thanh Phong	5.500	3.694,7	1.194,7	2.500,0	4.900,0	5.000,0	1.194,7	2.500,0	5.000,0	
14	Đường từ sân vận động - huyện đội - QL6 và trận địa phòng không	TT Tuần Giáo	5.080	1.600,0	-	1.600,0	1.600,0	1.600,0		1.600,0	1.600,0	LG vốn đầu giá
15	Khắc phục thiên tai ngân tràn bản Phung xã Quai Cang	Xã Quai Cang	1.390	2,4	-	2,4		1.322,8		2,4	1.322,8	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	Nguồn vốn năm 2020				Thực hiện khối lượng			Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công			
16	Đường bản Ta - bản Pầu xã Quài Tở	Xã Quài Tở	2.500	0,5	-	0,5		2.375,7		0,5	2.375,7			
17	Sửa chữa, nâng cấp đường từ bản Phiêng Him - bản Hua Sắt	Xã Mường Khong	2.800	1.365,0	365,0	1.000,0	2.613,4	2.663,4	365,0	1.000,0	2.500,0			
1.2	Công trình khởi công mới năm 2020		108.850	52.563,5	6.000,0	46.563,5	69.256,2	69.256,2	6.000,0	46.563,5	52.563,5			
*	Ban QLDA các công trình huyện		108.850	52.563,5	6.000,0	46.563,5	69.256,2	69.256,2	6.000,0	46.563,5	52.563,5			
1	Nâng cấp đường vào bản Phình Cừ	Xã Ta Ma	7.500	4.400,0	-	4.400,0	4.400,0	4.400,0		4.400,0	4.400,0			
2	Nâng cấp đường từ bản Hua Sa A - bản Ché Á	Xã Tả Tình	10.700	5.500,0	4.000,0	1.500,0	5.516,6	5.516,6	4.000,0	1.500,0	5.500,0			
3	Nâng cấp đường từ bản Hiếu - bản Phang	Xã Chiềng Sinh	4.500	3.600,0	-	3.600,0	3.600,0	3.600,0		3.600,0	3.600,0			
4	Nâng cấp đường vào bản Nà Đăng	Xã Ta Ma	2.650	2.300,0	-	2.300,0	2.501,6	2.501,6		2.300,0	2.300,0			
5	Nâng cấp đường khối 20/7 - bản Đông	TT Tuần Giáo	5.000		-	-	1.000,0	1.000,0						
6	Nâng cấp đường nội thị khối Tân Giang	TT Tuần Giáo	5.600		-	-	1.500,0	1.500,0						
7	Nâng cấp đường khối Huổi Cù	TT Tuần Giáo	6.000	3.500,0	-	3.500,0	5.878,7	5.878,7		3.500,0	3.500,0			
8	Nâng cấp đường bản Sào - bản Cong	Xã Quài Cang	1.800	1.000,0	-	1.000,0	1.086,8	1.086,8		1.000,0	1.000,0			
9	Nâng cấp đường vào bản Kề Cài	Xã Ta Ma	3.000	1.200,0	-	1.200,0	2.802,7	2.802,7		1.200,0	1.200,0			
10	Nâng cấp đường vào bản Thẩm Nặm (giai đoạn 1)	Xã Thanh Phong	5.500	2.000,0	-	2.000,0	3.000,0	3.000,0		2.000,0	2.000,0			
11	Nâng cấp đường vào bản Phình Sáng	Xã Phình Sáng	1.800	1.500,0	-	1.500,0	1.540,3	1.540,3		1.500,0	1.500,0			

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	Nguồn vốn năm 2020				Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	
12	Nâng cấp đường vào bản Kéo Lạ	Xã Nà Sáy	2.300	1.168,0	-	1.168,0	1.988,8	1.988,8	1.168,0	1.168,0	
13	Nâng cấp đường vào bản Gia Bop	Xã Mường Mùn	5.000	4.500,0	-	4.500,0	4.598,8	4.598,8	4.500,0	4.500,0	
14	Nâng cấp đường, ngăn tràn bản Năm Cà	Xã Nà Sáy	4.000	3.500,0	2.000,0	1.500,0	3.500,0	3.500,0	1.500,0	3.500,0	
15	Nâng cấp đường Bản Bon A - Noong bả	Xã Rang Đông	2.500	1.000,0	-	1.000,0	2.155,9	2.155,9	1.000,0	1.000,0	
16	Nâng cấp đường bản Hua Mực 3 - Trung tâm xã (giai đoạn 1)	Xã Pù Xi	5.000	2.000,0	-	2.000,0	2.522,0	2.522,0	2.000,0	2.000,0	
17	Nâng cấp cầu bản Xuân Tươi	Xã Mường Mùn	3.200	1.879,7	-	1.879,7	2.964,0	2.964,0	1.879,7	1.879,7	
18	Nâng cấp đường vào bản Xá Tý (giai đoạn 1)	Xã Tênh Phòng	5.500	2.000,0	-	2.000,0	2.500,0	2.500,0	2.000,0	2.000,0	
19	Nâng cấp ngăn tràn bản Hua Ca	Xã Quài Tở	3.000	1.500,0	-	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	
20	Nâng cấp cầu bản hiện	Xã Chiềng Sinh	6.000	2.000,0	-	2.000,0	2.108,2	2.108,2	2.000,0	2.000,0	
21	Nâng cấp đường vào bản Co phát (giai đoạn 1)	Xã Nà Tông	5.000	1.800,0	-	1.800,0	3.552,1	3.552,1	1.800,0	1.800,0	
22	Nâng cấp đường vào bản Lạ	Xã Quài Tở	2.000	1.500,0	-	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	
23	Nâng cấp đường vào bản Hàng Khúa	Xã Phình Sáng	2.200	1.000,0	-	1.000,0	1.335,5	1.335,5	1.000,0	1.000,0	
24	Nâng cấp đường vào bản Trạm Cù (giai đoạn 1)	Xã Ta Ma	5.000	1.500,0	-	1.500,0	3.301,3	3.301,3	1.500,0	1.500,0	
25	Nâng cấp đường vào bản Phình Cài	Xã Ta Ma	3.000	1.615,8	-	1.615,8	1.825,5	1.825,5	1.615,8	1.615,8	
26	Sửa chữa đường bao quanh sân vận động huyện Tuần Giáo	Thị trấn	1.100	600,0	-	600,0	1.077,3	1.077,3	600,0	600,0	
II	Sự nghiệp thủy lợi		23.860	7.781,5	-	7.781,5	8.352,8	15.849,1	7.781,5	14.727,1	

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMĐT	Nguồn vốn năm 2020				Thực hiện khối lượng			Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công			
II.1	Công trình đang thực hiện		14.660	5.105,5	-	5.105,5	5.511,2	13.007,5	-	5.105,5	12.051,1			
*	Ban QLDA các công trình huyện		14.660	5.105,5	-	5.105,5	5.511,2	13.007,5	-	5.105,5	12.051,1			
1	Nâng cấp kênh bản Ta và thủy lợi bản Hua Ca	Xã Quai Tơ	2.500	480,1	-	480,1	481,1	2.331,1		480,1	2.330,1			
2	Nâng cấp thủy lợi bản Bó Lếch + kênh bản Phiêng Pén	Xã Mùn Chung	1.600	770,4	-	770,4	755,0	1.555,0		770,4	1.555,0			
3	Kiểm phục hồi quả thiên tai thủy lợi bản Đưa xã Quai Tơ	Xã Quai Tơ	1.500	1.295,8	-	1.295,8	1.321,7	1.401,7		1.295,8	1.395,7			
4	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi bản Lòng	Xã Tả Tình	2.500	2.037,9	-	2.037,9	2.174,6	2.274,6		2.037,9	2.205,8			
5	Nâng cấp kênh nội đồng bản Che Phai + bản Kếp	Xã Chiềng Sinh	2.500	75,9	-	75,9	75,9	2.251,8		75,9	2.175,9			
6	GPMB hỗ sung dự án Năm suối và tái định cư thị trấn Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	850	0,0	-	0,0		850,0			79,0		LG đất lúa	
7	Nâng cấp thủy lợi bản Sào	Quai Cang	1.400	8,9	-	8,9	669,2	669,2		8,9	669,2			
8	Nắp kênh thủy lợi bản Hiếu và thủy lợi bản Năm Mù	Xã Chiềng Sinh, xã Phình Sàng	1.130	327,3	-	327,3	33,7	1.065,0		327,3	1.031,3			
9	Sửa chữa thủy lợi bản Thín B xã Mường Thín	Xã Mường Thín	680	109,1	-	109,1		609,1		109,1	609,1			
II.2	Công trình khởi công mới năm 2020		9.200	2.676,0	-	2.676,0	2.841,5	2.841,5	-	2.676,0	2.676,0			
*	Ban QLDA các công trình huyện		9.200	2.676,0	-	2.676,0	2.841,5	2.841,5	-	2.676,0	2.676,0			
1	Hệ thống tưới âm (cây ăn quả)	Xã Rang Đông	6.000		-	-								
2	Nâng cấp thủy lợi bản Phung và thủy lợi Nả Ban	Xã Quai Cang	2.500	2.100,0	-	2.100,0	2.218,8	2.218,8		2.100,0	2.100,0			
3	Nâng cấp kênh thủy lợi bản Cón	Xã Quai Cang	700	576,0	-	576,0	622,8	622,8		576,0	576,0			
III	Sự nghiệp kinh tế khác		45.217	16.272,8	-	16.272,8	19.832,1	25.055,2	-	16.272,8	18.690,3			
III.1	Công trình đang thực hiện		26.860	2.673	-	2.672,6	4.782	8.926	-	2.673	4.383			

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBT	Nguồn vốn năm 2020				Thực hiện khối lượng				Thực hiện giải ngân				Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công					
*	Ban QLDA các công trình huyện		26.710	2.523	-	2.522,6	4.632	8.776	-	2.523	4.233					
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất đấu giá QSD đất khởi Sơn Thủy (khu số 2)	TT Tuấn Giáo	7.500	-	-	-	1.200,0	1.200,0								
2	Khắc phục hậu quả thiên tai công trình khu TĐC thị trấn Tuấn Giáo	TT Tuấn Giáo	1.350	402,5	-	402,5		1.000,0		402,5	737,0					
3	Hạ tầng khu đất xen kẹt Tân Giang	TT Tuấn Giáo	5.300	149,6	-	149,6	2.700,0	3.200,0		149,6	149,6					
4	Nhà làm việc UBND xã Mường Mùn	Xã Mường Mùn	1.450	67,7	-	67,7	29,3	1.445,9		67,7	1.416,6					
5	GPMB bổ sung trụ sở tam xã Pù Xi	Xã Pù Xi	30	2,8	-	2,8	2,8	30,0		2,8	30,0					
6	Khắc phục hậu quả thiên tai các tuyến đường: Tuyến đường Pù Nhung - Ta Ma; Tuyến đường Tênh Phông - ngã ba Há Dừa;	Xã Pù Nhung Xã Ta Ma Xã Tênh Phông	2.500	600,0	-	600,0	600,0	600,0		600,0	600,0					
7	Khắc phục hậu quả thiên tai các tuyến đường: Tuyến đường Pù Nhung - Rạng Đông - Phình Sàng	Các xã: Pù Nhung, Rạng Đông, Phình Sàng	2.500	600,0	-	600,0	600,0	600,0		600,0	600,0					
8	Đường từ sân vận động - huyện đội - QL6 và trấn địa phương không	TT Tuấn Giáo	5.080	400,0	-	400,0	400,0	400,0		400,0	400,0					
9	Khắc phục hậu quả thiên tai các tuyến đường bản Nôm - bản Chăn - Hua Chăn, Pa Cá - Nặm Cá; Phiang Hin - Hua Sát.	Các xã: Chiềng Đông, Nà Sáy, Mường Khong	1.000	300,0	-	300,0	300,0	300,0		300,0	300,0					
	UBND thị trấn Tuấn Giáo		50	50	-	50,0	50	50	-	50	50					
1	Sửa chữa nhà văn hóa khối huổi cũ	TT Tuấn Giáo	50	50,0	-	50,0	50,0	50,0		50,0	50,0					
	UBND xã Chiềng Đông		100	100	-	100,0	100	100	-	100	100					
1	Nhà văn hóa xã Chiềng Đông	Xã Chiềng Đông	100	100,0	-	100,0	100,0	100,0		100,0	100,0					
II.2	Công trình khởi công mới năm 2020		18.357	13.600,2	-	13.600,2	15.050,0	16.129,3	-	13.600,2	14.307,1					

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	Nguồn vốn năm 2020				Thực hiện khối lượng			Thực hiện giải ngân			Ghi chú
				Tổng KH vốn năm 2020	Vốn kéo dài	KH vốn năm 2020	Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Giải ngân vốn kéo dài	Giải ngân KH vốn năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công			
*	Ban QLDA các công trình huyện		18.357	13.600,2	-	13.600,2	15.050,0	16.129,3	-	13.600,2	14.307,1			
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất đầu giá QSD đất khởi Trương Xuân (kho lương thực cũ)	TT Tuần Giáo	1.000	700,0	-	700,0	847,8	847,8		700,0	700,0			
2	Sửa chữa trụ sở Huyện ủy	TT Tuần Giáo	4.500	4.184,4	-	4.184,4	4.184,4	4.184,4		4.184,4	4.184,4			
3	Phụ trợ Trụ sở xã và Nhà văn hóa xã Phình Sáng	Xã Phình Sáng	700	500,0	-	500,0	500,0	500,0		500,0	500,0			
4	Giải phóng mặt bằng trường tiểu học Pù Xi	Xã Pù Xi	700	650,0	-	650,0	600,0	650,0		650,0	650,0			
5	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Ta Ma	Xã Ta Ma	600	516,1	-	516,1	510,1	600,0		516,1	600,0			
7	Sửa chữa nhà làm việc khối Đoàn thể	TT Tuần Giáo	1.450	1.300,0	-	1.300,0	1.304,9	1.397,9		1.300,0	1.300,0			
8	GPMB bổ sung dự án Trường mầm non Mùn Chung	Xã Mùn Chung	150	150,0	-	150,0	150,0	150,0		150,0	150,0			
9	Trích đo bản đồ địa chính Trung tâm đào tạo & phát triển công đồng huyện Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	30	30,0	-	30,0	30,0	30,0		30,0	30,0			
10	Xây dựng hạ tầng khu trung tâm xã mới xã Nà Tông	Xã Nà Tông	1.500	700,0	-	700,0	744,8	802,4		700,0	700,0			
11	Xây dựng hạ tầng khu trung tâm xã mới xã Quải Cang	Xã Quải Cang	5.900	4.116,0	-	4.116,0	5.424,4	5.590,0		4.116,0	4.116,0			
12	GPMB khu định cư bãi số 3 xã Pù Xi	Xã Pù Xi	777	153,7	-	153,7	153,7	776,7		153,7	776,7			
13	Sửa chữa sân Huyện ủy, HDND-UBND huyện Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	1.050	600,0	-	600,0	600,0	600,0		600,0	600,0			

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN HỖ TRỢ XÃ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1547/QĐ-UBND
NGÀY 29/12/2018 CỦA UBND HUYỆN TUẦN GIẢO**
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Thực hiện giải ngân		Ghi chú
				Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
	UBND xã Quài Nưa		2.428	2.428	2.428	2.428	2.428	
1	Đường nội bản Pha Nàng	Xã Quài Nưa	732	732	732	732	732	
2	Đường QL279 – bản Chăn	Xã Quài Nưa	485	485	485	485	485	
3	Đường QL279 – bản Ten	Xã Quài Nưa	522	522	522	522	522	
4	Đường nội bản Cù	Xã Quài Nưa	532	532	532	532	532	
5	Đường nội bản Cọ	Xã Quài Nưa	157	157	157	157	157	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN HỖ TRỢ ĐẤT LỬA NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuấn Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMĐT	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Thực hiện giải ngân		Ghi chú
					Năm 2020	Lũy kế khối lượng từ khởi công	Năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
	Tổng cộng		9.150	2.798,1	2.661,6	6.791,6	2.798,0	6.725,0	
I	Công trình tiếp chi		6.550	1.454,0	1.251,0	5.381,0	1.453,9	5.380,9	
*	Ban QLDA các công trình huyện		6.550	1.454,0	1.251,0	5.381,0	1.453,9	5.380,9	
1	Nâng cấp đường QL6 - bản Bông	Xã Quai Tờ	2.150	138,0	129,6	2.029,6	138,0	2.029,6	
2	Nâng cấp thủy lợi bản Phang	Xã Chiềng Đông	1.900	426,8	232,1	1.762,1	426,8	1.762,1	
3	Thủy lợi bản Sào	Xã Quai Tờ	1.400	563,4	563,4	563,4	563,4	563,4	
4	Thủy lợi bản Cường xã Quai Cang	Xã Quai Cang	1.100	325,7	325,7	1.025,7	325,7	1.025,7	
II	Công trình khởi công mới		2.600	1.344,1	1.410,6	1.410,6	1.344,1	1.344,1	
*	Ban QLDA các công trình huyện		2.600	1.344,1	1.410,6	1.410,6	1.344,1	1.344,1	
1	Đường liên bản Cẩm-bản Sáng	Xã Quai Cang	2.600	1.344,1	1.410,6	1.410,6	1.344,1	1.344,1	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN TUẦN GIÁO NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMĐT	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Thực hiện giải ngân		Ghi chú
				Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
TỔNG CỘNG		38.700	16.702,9	14.434,0	33.895,9	16.702,9	29.712,4	
Công trình tiếp chi		22.500	8.702,9	2.258,0	21.719,9	8.702,9	21.712,4	
Phòng Giáo dục và Đào tạo		22.500	8.702,9	2.258,0	21.719,9	8.702,9	21.712,4	
Xây dựng trường PTDTBT THCS Pú Xi	Xã Pú Xi	3.300	1.245,9	82,1	3.208,3	1.245,9	3.208,3	
Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Mường Thín, Bình Minh	Xã Mường Thín	2.000	65,9	27,3	1.988,9	65,9	1.988,9	
Cải tạo, sửa chữa các trường Tiểu học Tòa Tình, tiểu học Chiềng Sinh	Xã Tòa Tình, xã Chiềng Sinh	1.500	-	18,9	1.473,9		1.473,9	
Xây dựng nhà công vụ, nhà nội trú và bổ sung hạng mục phụ trợ trường TH Pú Xi	Xã Pú Xi	4.000	2.304,0		3.850,0	2.304,0	3.850,0	
Cải tạo, sửa chữa trường THCS Thị trấn	TT Tuần Giáo	1.700	644,1		1.651,6	644,1	1.644,1	
Cải tạo, sửa chữa điểm trường ĐỜ RÊ Mơn trường MN Thị trấn (TT dạy nghề cũ)	TT Tuần Giáo	2.500	1.387,9		2.365,7	1.387,9	2.365,7	
Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Nà Sáy; THCS Mường Thín; THCS Tòa Tình	Xã Nà Sáy, Mường Thín, Tòa Tình	1.800	384,0	380,9	1.784,0	384,0	1.784,0	
Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Chiềng Sinh, Mầm non Bình Minh	Xã Chiềng sinh, Chiềng Đông	1.900	512,0	493,8	1.812,0	512,0	1.812,0	
Cải tạo, sửa chữa trường PTDTBT THCS Mường Mùn	Xã Ta Ma, Mường Mùn	1.900	842,0	825,2	1.842,0	842,0	1.842,0	
Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Hoa Mai, TH Nà Tông, TH số 1 Quai Nưa	Xã Quai Cang, Quai Nưa, Nà Tông	1.900	1.129,8	429,8	1.743,5	1.129,8	1.743,5	
Xây dựng phòng học cho học sinh trường tiểu học Phình Sang	Xã Phình Sang	1.950	187,3		1.872,8	187,3	1.872,8	

Tên công trình	Địa điểm xây dựng	TMBĐT	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Thực hiện giải ngân		Ghi chú
				Năm 2020	Lũy kế Khối lượng từ khởi công	Năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
Công trình khởi công mới 2020		16.200	8.000,0	12.176,0	12.176,0	8.000,0	8.000,0	
Phòng Giáo dục và Đào tạo		16.200	8.000,0	12.176,0	12.176,0	8.000,0	8.000,0	
Cải tạo, sửa chữa Trường MN Ta Ma; PTDĐT THCS Ta Ma	Xã Ta Ma	2.000	1.000,0	1.600,0	1.600,0	1.000,0	1.000,0	
Cải tạo, sửa chữa trường TH Phình Sáng; TH Năm Dìn	Xã Phình Sáng	3.000	1.500,0	1.800,0	1.800,0	1.500,0	1.500,0	
Cải tạo, sửa chữa trường THCS Rạng Đông;	Xã Rạng Đông	2.500	1.000,0	1.978,1	1.978,1	1.000,0	1.000,0	
Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Hoa Sen; TH số 2 Quài Cang	Xã Quài Tở; Quài Cang	2.000	1.000,0	1.400,0	1.400,0	1.000,0	1.000,0	
Cải tạo, sửa chữa trường TH Mường Mùn	Xã Mường Mùn	1.500	900,0	1.462,9	1.462,9	900,0	900,0	
Cải tạo, nâng cấp trường THCS Vừ A Dính	Xã Pú Nhung	1.200	600,0	1.144,5	1.144,5	600,0	600,0	
Cải tạo mặt bằng và phụ trợ trường tiểu học Pú Xi	Xã Pú Xi	2.500	1.200,0	1.334,8	1.334,8	1.200,0	1.200,0	
Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Năm Dìn	Xã Phình Sáng	1.500	800,0	1.455,7	1.455,7	800,0	800,0	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN SỰ NGHIỆP
CHƯƠNG TRÌNH MTOG GIÁM NGHEO BỀN VỮNG THEO QUYẾT ĐỊNH 293/QĐ-TTg NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Thuận Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Số TT	Tên công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư	KH vốn năm 2020	Khối lượng thực hiện		Thực hiện giải ngân		Ghi chú
					Năm 2020	Lũy kế khối lượng từ khởi công	Năm 2020	Lũy kế giải ngân từ khởi công	
	TỔNG CỘNG		3.700	1.600,0	1.690,8	3.036,5	1.600,0	2.685,8	
I	Công trình tiếp chi		2.500	900,0	990,8	2.336,5	900,0	1.985,8	
*	Ban QLDA các công trình huyện		2.500	900,0	990,8	2.336,5	900,0	1.985,8	
1	Sửa chữa tuyến đường từ bản Hóc xã Mường Mùn - trung tâm xã Pú Xi huyện Thuận Giáo	Xã Mường Mùn; xã Pú Xi	2.500	900,0	990,8	2.336,5	900,0	1.985,8	
II	Công trình khởi công mới		1.200	700,0	700,0	700,0	700,0	700,0	
*	Ban QLDA các công trình huyện		1.200	700,0	700,0	700,0	700,0	700,0	
1	Sửa chữa đường Nặm Din - Phảng Cù	Xã Phình Sáng	1.200	700,0	700,0	700,0	700,0	700,0	